

CÁC BỘ

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/2005/TT-BKH

Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2005

THÔNG TƯ

Hướng dẫn về nội dung và quy trình xây dựng điều lệ Tổng công ty do Nhà nước quyết định đầu tư và thành lập và điều lệ Công ty mẹ trong mô hình Công ty mẹ - Công ty con

Thực hiện Nghị định 153/2004/NĐ-CP ngày 09/8/2004 của Chính phủ về tổ chức, quản lý Tổng công ty nhà nước và chuyển đổi Tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước độc lập theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con (sau đây gọi tắt là Nghị định 153/2004/NĐ-CP), Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xây dựng điều lệ của Tổng công ty do Nhà nước quyết định đầu tư và thành lập và điều lệ Công ty mẹ trong mô hình Công ty mẹ - Công ty con như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

Thông tư này hướng dẫn về nội dung và quy trình xây dựng điều lệ của Tổng công ty do Nhà nước quyết định đầu tư và thành lập (sau đây gọi tắt là Tổng

công ty) và điều lệ của Công ty mẹ là công ty nhà nước trong mô hình Công ty mẹ - Công ty con (sau đây gọi tắt là Công ty mẹ).

Đối tượng áp dụng Thông tư này bao gồm:

a) Các Tổng công ty do Nhà nước quyết định đầu tư và thành lập, bao gồm: các Tổng công ty đang hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước năm 2003; các Tổng công ty đang trong quá trình chuyển đổi sang mô hình Công ty mẹ - Công ty con mà trong cơ cấu thành viên vẫn còn đơn vị hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước năm 2003; các Tổng công ty thành lập mới.

b) Các Tổng công ty do Nhà nước quyết định đầu tư và thành lập, các công ty thành viên của Tổng công ty do Nhà nước quyết định đầu tư và thành lập,

công ty nhà nước độc lập đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Đã hoàn thành việc chuyển đổi sang mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

- Có cơ cấu gồm Công ty mẹ là công ty nhà nước hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước năm 2003; các công ty con, công ty liên kết hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam hoặc thành lập, đăng ký và hoạt động theo pháp luật nước ngoài.

2. Yêu cầu của nội dung điều lệ

Điều lệ Tổng công ty (Công ty mẹ) quy định về địa vị pháp lý của Tổng công ty (Công ty mẹ); chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty (Công ty mẹ); quan hệ trong nội bộ Tổng công ty (Công ty mẹ); quan hệ của Tổng công ty (Công ty mẹ) với các đơn vị thành viên (công ty con, công ty liên kết); quan hệ của Tổng công ty (Công ty mẹ) với Đại diện chủ sở hữu nhà nước và các cơ quan nhà nước.

Điều lệ cụ thể của từng Tổng công ty, Công ty mẹ có thể quy định chi tiết hơn hoặc rút gọn về nội dung cho phù hợp với cơ cấu đơn vị thành viên (đối với Tổng công ty) hoặc cơ cấu công ty con, công ty liên kết (đối với Công ty mẹ); đặc điểm lĩnh vực, ngành nghề hoạt động của mỗi Tổng công ty, Công ty mẹ và các quy định khác của pháp luật; nhưng phải có các nội dung cơ bản như trong hướng dẫn này và không được trái với các quy

định của Luật Doanh nghiệp nhà nước năm 2003 và Nghị định 153/2004/NĐ-CP.

II. NỘI DUNG ĐIỀU LỆ

1. Phần quy định chung

a) Điều lệ ghi rõ tên tiếng Việt, tên giao dịch, tên tiếng Anh (nếu có), địa chỉ trụ sở chính, điện thoại, số Fax, website (nếu có) và các đặc điểm định danh khác của Tổng công ty, Công ty mẹ.

b) Địa vị pháp lý của Tổng công ty, Công ty mẹ: là công ty nhà nước, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước, có tư cách pháp nhân, có con dấu, được mở tài khoản tiền Đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; có vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ bằng toàn bộ tài sản của mình; có quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt đối với vốn, tài sản, tên gọi, biểu tượng, thương hiệu theo quy định của pháp luật.

c) Tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty, Công ty mẹ: là số vốn của chủ sở hữu (tính bằng tiền Việt Nam) đầu tư vào Tổng công ty, Công ty mẹ tại thời điểm điều lệ có hiệu lực. Việc xác định rõ tổng số vốn điều lệ tại điều lệ nhằm giới thiệu về quy mô của Tổng công ty, Công ty mẹ và để xác định trách nhiệm hữu hạn của chủ sở hữu đối với các khoản nợ và các

nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty, Công ty mẹ trong phạm vi số vốn này.

d) Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, Công ty mẹ là Tổng Giám đốc. Đại diện chủ sở hữu của Tổng công ty, Công ty mẹ là Bộ quản lý ngành hoặc UBND cấp tỉnh hoặc cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Công ty mẹ được chuyển đổi từ công ty thành viên của Tổng công ty thì Đại diện chủ sở hữu của Công ty mẹ là Tổng công ty.

Đại diện trực tiếp chủ sở hữu tại Tổng công ty, Công ty mẹ là Hội đồng quản trị.

đ) Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty (Công ty mẹ) là kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu, hoàn thành các nhiệm vụ do Đại diện chủ sở hữu giao trong đó có chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu, tối đa hóa hiệu quả hoạt động chung của toàn Tổng công ty (Công ty mẹ) và các đơn vị thành viên (các công ty con). Việc ghi rõ mục tiêu hoạt động của Tổng công ty (Công ty mẹ) trong điều lệ nhằm tránh tình trạng Tổng công ty (Công ty mẹ) hoạt động lệch khỏi mục tiêu của chủ sở hữu giao.

e) Thời hạn hoạt động: ghi số năm hoạt động theo quyết định của cấp có thẩm quyền về thành lập, tổ chức lại Tổng công ty (Công ty mẹ), hoặc ghi cụ thể ngày bắt đầu và kết thúc hoạt động, hoặc không ghi thời hạn nếu trong quyết định của cấp có thẩm quyền về thành lập, tổ chức

lại Tổng công ty (Công ty mẹ) không xác định thời hạn hoạt động.

g) Ngành, nghề kinh doanh: trường hợp Tổng công ty (Công ty mẹ) trực tiếp sản xuất kinh doanh thì ghi các ngành, nghề theo đăng ký kinh doanh; trường hợp Tổng công ty (Công ty mẹ) không trực tiếp sản xuất kinh doanh mà thực hiện vai trò của cổ đông, thành viên góp vốn tại các đơn vị thành viên (các công ty con và doanh nghiệp có vốn góp của Công ty mẹ) thì chỉ ghi thực hiện đầu tư tài chính và quản lý vốn đầu tư tại các doanh nghiệp khác; trường hợp vừa trực tiếp sản xuất kinh doanh, vừa thực hiện đầu tư tài chính và quản lý vốn đầu tư tại các doanh nghiệp khác thì ghi cả hai loại.

h) Phân giải thích từ ngữ nhằm thống nhất quan niệm và sử dụng những từ ngữ được dùng nhiều trong điều lệ nhưng có thể gây nhiều cách hiểu khác nhau bao gồm: Luật Doanh nghiệp nhà nước, Luật Doanh nghiệp, quyền chi phối, cổ phần chi phối, đơn vị thành viên, công ty con, công ty liên kết, đơn vị trực thuộc, v.v. Đối với những từ ngữ đã có các văn bản giải thích riêng hoặc đã sử dụng ở các văn bản khác, được các đối tượng áp dụng hiểu rõ và chính xác thì khi xây dựng điều lệ của Tổng công ty (Công ty mẹ) không cần đưa vào mục giải thích từ ngữ của điều lệ.

i) Các vấn đề khác nếu thấy cần thiết, nhưng không trái với các quy định pháp luật.

2. Quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, Công ty mẹ

a) Quyền của Tổng công ty, Công ty mẹ đối với vốn, tài sản, tài chính và trong hoạt động kinh doanh: Căn cứ quy định tại các Điều 13, 15, 17 và 19 Luật Doanh nghiệp nhà nước, Nghị định 153/2004/NĐ-CP, Nghị định 199/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác (sau đây gọi tắt là Nghị định 199/2004/NĐ-CP), các quyền của đại diện chủ sở hữu quy định tại điều lệ này và đặc điểm ngành nghề, lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty (Công ty mẹ) để cụ thể hóa các quyền của Tổng công ty (Công ty mẹ).

b) Nghĩa vụ của Tổng công ty, Công ty mẹ đối với vốn, tài sản, tài chính và trong hoạt động kinh doanh: Căn cứ quy định tại các Điều 14, 16, 18 và 19 Luật doanh nghiệp nhà nước, Nghị định 153/2004/NĐ-CP, Nghị định 199/2004/NĐ-CP, nghĩa vụ của đại diện chủ sở hữu quy định tại điều lệ này và đặc điểm ngành nghề, lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty, Công ty mẹ để cụ thể hóa các nghĩa vụ của Tổng công ty, Công ty mẹ.

c) Nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng công ty (Công ty mẹ) đối với các đơn vị thành viên (công ty con) bao gồm: Định hướng chiến lược kinh doanh theo chiến lược kinh doanh của Tổng công ty (Công ty mẹ) và phù hợp với điều lệ của đơn vị thành viên (công ty con); phối hợp giữa

các đơn vị thành viên (công ty con) để tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ mà từng đơn vị thành viên (công ty con) không có khả năng thực hiện, thực hiện không có hiệu quả hoặc hiệu quả kinh doanh thấp hơn so với có sự phối hợp của toàn Tổng công ty (của Công ty mẹ); hạn chế tình trạng đầu tư, kinh doanh trùng lặp hoặc cạnh tranh nội bộ dẫn đến phân tán, lãng phí nguồn lực, giảm hiệu quả kinh doanh của toàn Tổng công ty (tổ hợp Công ty mẹ và các công ty con); thực hiện hoạt động nghiên cứu, tiếp thị, xúc tiến thương mại, tạo điều kiện cho các đơn vị thành viên (các công ty con) mở rộng và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; thực hiện các quyền chi phối đối với đơn vị thành viên (công ty con) theo điều lệ của đơn vị (công ty) đó, nhưng không được lạm dụng quyền chi phối, làm tổn hại đến lợi ích của các đơn vị thành viên (các công ty con), các chủ nợ, các cổ đông, thành viên góp vốn khác và các bên có liên quan đến đơn vị (công ty con) đó.

d) Khi Tổng công ty, Công ty mẹ thực hiện các hoạt động sau đây mà: Tổng công ty không có sự thỏa thuận với đơn vị thành viên là công ty thành viên hạch toán độc lập, công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên, công ty có cổ phần, vốn góp chi phối; Công ty mẹ không có sự thỏa thuận với công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty có cổ phần, vốn góp chi phối; Tổng công ty (Công ty mẹ) gây thiệt hại cho đơn vị thành viên (công ty con) đó và các bên liên quan, thì Tổng công ty

(Công ty mẹ) phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho đơn vị thành viên (công ty con) đó và các bên liên quan:

- Buộc đơn vị thành viên (công ty con) phải ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế không bình đẳng và bất lợi đối với các đơn vị (công ty con) này.

- Điều chuyển vốn, tài sản của đơn vị thành viên là công ty thành viên hạch toán độc lập, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (đối với Tổng công ty), công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (đối với Công ty mẹ), gây thiệt hại cho đơn vị (công ty) bị điều chuyển, trừ các trường hợp: điều chuyển theo phương thức thanh toán; quyết định tổ chức lại công ty; thực hiện mục tiêu cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

- Điều chuyển một số hoạt động kinh doanh có hiệu quả, có lãi từ đơn vị thành viên (công ty con) này sang đơn vị thành viên (công ty con) khác không có sự thỏa thuận với đơn vị (công ty) bị điều chuyển, dẫn đến đơn vị (công ty) bị điều chuyển bị lỗ hoặc lợi nhuận bị giảm sút nghiêm trọng.

- Quyết định các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đối với các đơn vị thành viên (công ty con) trái với điều lệ và pháp luật; giao nhiệm vụ cho đơn vị thành viên (công ty con) không dựa trên cơ sở ký kết hợp đồng kinh tế với các đơn vị (công ty) này.

- Buộc đơn vị thành viên (công ty con)

cho Tổng công ty (Công ty mẹ), đơn vị thành viên khác (công ty con khác) vay vốn với lãi suất thấp với điều kiện vay và thanh toán không hợp lý hoặc phải cung cấp các khoản tiền vay để Tổng công ty (Công ty mẹ), đơn vị thành viên khác (công ty con khác) thực hiện các hợp đồng kinh tế có nhiều rủi ro đối với hoạt động kinh doanh của các đơn vị (công ty) đó.

3. Chủ sở hữu của Tổng công ty, Công ty mẹ

a) Căn cứ vào các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu quy định tại mục II, Chương VI của Luật Doanh nghiệp nhà nước, Nghị định 153/2004/NĐ-CP, điều lệ của Tổng công ty (Công ty mẹ) và quy định của Chính phủ về thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty nhà nước và đặc điểm của Tổng công ty (Công ty mẹ) để quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, bao gồm: quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu do cơ quan, tổ chức được cử làm Đại diện chủ sở hữu đối với Tổng công ty (Công ty mẹ) thực hiện; các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu do Chính phủ và Bộ Tài chính thực hiện.

Quyền hạn của Đại diện chủ sở hữu có thể quy định chi tiết phân theo nhóm vấn đề bao gồm: Những vấn đề Đại diện chủ sở hữu tự quyết định; những vấn đề Đại diện chủ sở hữu quyết định trên cơ sở kiến nghị của Hội đồng quản trị; những vấn đề Đại diện chủ sở hữu ủy quyền hoặc phân cấp cho Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc quyết định; những

vấn đề Đại diện chủ sở hữu trình Chính phủ; những vấn đề Đại diện chủ sở hữu phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện.

b) Quyền hạn của Đại diện chủ sở hữu bao gồm:

- Quyền phê duyệt, sửa đổi, bổ sung điều lệ; mức vốn điều lệ ban đầu; tăng, giảm vốn điều lệ; việc tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu Tổng công ty (Công ty mẹ).

- Giá trị của các dự án đầu tư, bán tài sản, mua cổ phần, góp vốn vào doanh nghiệp khác; sử dụng vốn, tài sản của Tổng công ty (Công ty mẹ) để góp vốn liên doanh với chủ đầu tư nước ngoài; đầu tư ra nước ngoài; mua công ty thuộc thành phần kinh tế khác; các hợp đồng vay, cho vay cần có sự phê duyệt của Đại diện chủ sở hữu hoặc Tổng công ty (Công ty mẹ) có quyền tự quyết định hoặc quyết định theo phân cấp của Đại diện chủ sở hữu.

- Thẩm quyền tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, chế độ lương, thưởng, phụ cấp và các quyền lợi khác của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị; việc tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc.

- Thẩm quyền giám sát, theo dõi và đánh giá hoạt động kinh doanh của Tổng công ty, Công ty mẹ, hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị.

- Thẩm quyền phê duyệt quy chế tài chính, báo cáo tài chính hàng năm và phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng công ty, Công ty mẹ.

- Các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

c) Nghĩa vụ của Đại diện chủ sở hữu bao gồm: Bảo đảm quyền tự chủ kinh doanh, tự chịu trách nhiệm của Tổng công ty (Công ty mẹ); không trực tiếp can thiệp vào hoạt động kinh doanh của Tổng công ty (Công ty mẹ), các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và bộ máy quản lý của Tổng công ty (Công ty mẹ); trách nhiệm đầu tư đủ vốn điều lệ cho Tổng công ty (Công ty mẹ); chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty (Công ty mẹ) trong phạm vi số vốn điều lệ của Tổng công ty (Công ty mẹ); tuân theo các quy định của pháp luật về hợp đồng trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê và cho thuê giữa Tổng công ty (Công ty mẹ) và Đại diện chủ sở hữu; các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

d) Điều lệ có thể tách riêng các quy định về quyền hạn và về nghĩa vụ của Đại diện chủ sở hữu hoặc có thể quy định đồng thời quyền hạn với nghĩa vụ của Đại diện chủ sở hữu.

4. Tổ chức quản lý và điều hành của Tổng công ty, Công ty mẹ

Tổ chức bộ máy quản lý và điều hành

Tổng công ty (Công ty mẹ) bao gồm Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, kế toán trưởng, bộ máy giúp việc.

a) Hội đồng quản trị:

- Chức năng của Hội đồng quản trị: là cơ quan đại diện trực tiếp của chủ sở hữu nhà nước tại Tổng công ty (Công ty mẹ), có quyền nhân danh Tổng công ty (Công ty mẹ) để quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc xác định và thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và quyền lợi của Tổng công ty (Công ty mẹ), trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu.

- Căn cứ vào các quy định trong Luật Doanh nghiệp nhà nước và Nghị định 153/2004/NĐ-CP, điều lệ cụ thể hóa quyền hạn, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và phân thành các quyền do Hội đồng quản trị tự quyết định theo pháp luật; các quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị trên cơ sở đề xuất, kiến nghị của Tổng Giám đốc; các quyền kiến nghị của Hội đồng quản trị lên Đại diện chủ sở hữu để xem xét quyết định. Nội dung các quyền hạn, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị bao gồm các vấn đề sau đây:

+ Quyết định chiến lược, kế hoạch dài hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm, về ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty (Công ty mẹ);

+ Quyết định việc lập chi nhánh, văn phòng đại diện, phương án phối hợp kinh doanh của Tổng công ty (Công ty mẹ) với

các đơn vị thành viên (công ty con, công ty liên kết);

+ Quyết định các dự án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần, bán tài sản của Tổng công ty (Công ty mẹ); các hợp đồng vay, cho vay, thuê, cho thuê và hợp đồng kinh tế khác; phương án huy động vốn để hoạt động kinh doanh nhưng không làm thay đổi hình thức sở hữu (điều lệ ghi rõ thẩm quyền và mức quyết định theo đơn vị tỷ lệ % tổng giá trị tài sản hoặc giá trị tuyệt đối theo đơn vị triệu đồng); thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty (Công ty mẹ); phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế hoặc xử lý các khoản lỗ trong quá trình kinh doanh;

+ Xây dựng phương án tổ chức quản lý, tổ chức kinh doanh, biên chế và sử dụng bộ máy quản lý, quy chế quản lý, quy hoạch, đào tạo lao động; tuyển chọn, ký hợp đồng hoặc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức và quyết định mức lương đối với Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và kế toán trưởng; đầu tư thành lập đơn vị thành viên (công ty con) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và mua cổ phần, góp vốn vào doanh nghiệp khác, tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia làm công ty liên kết;

+ Kiểm tra, giám sát Tổng giám đốc Tổng công ty (Công ty mẹ); kiểm tra, giám sát Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch công ty, Giám đốc đơn vị thành viên (công ty con) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; người đại diện phần vốn góp

của Tổng công ty (Công ty mẹ) ở doanh nghiệp khác trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp nhà nước và điều lệ công ty, v.v.

+ Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

- Thành viên Hội đồng quản trị: Quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị, số lượng thành viên kiêm nhiệm, số lượng thành viên chuyên trách; cấp có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị; nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị; những trường hợp miễn nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị; cơ chế chịu trách nhiệm và nghĩa vụ của các thành viên Hội đồng quản trị trước Đại diện chủ sở hữu và trước pháp luật về các quyết định của Hội đồng quản trị.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị có nhiệm vụ: Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Hội đồng quản trị; tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị; theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị, v.v.

- Chế độ làm việc của Hội đồng quản trị: Quy định cụ thể số lần hoặc số lần tối thiểu Hội đồng quản trị họp trong một quý; thẩm quyền, cơ chế triệu tập và nội

dung của các cuộc họp thường kỳ và bất thường; cơ chế thông qua các quyết định của Hội đồng quản trị (ghi rõ là theo số lượng hoặc tỷ lệ % thành viên Hội đồng quản trị tán thành); chế độ trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bảo lưu ý kiến khi Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định; nội dung biên bản, chế độ lưu biên bản và trách nhiệm của những người có liên quan; nguyên tắc tính chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, kể cả tiền lương và phụ cấp của các thành viên Hội đồng quản trị; điều kiện tham gia quản lý doanh nghiệp khác của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

b) Ban Kiểm soát:

- Ban Kiểm soát do Hội đồng quản trị thành lập để giúp Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, chính xác và trung thực trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán, báo cáo tài chính và việc chấp hành Điều lệ Tổng công ty (Công ty mẹ), nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Điều lệ quy định rõ số lượng và cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát, gồm: Trưởng Ban Kiểm soát do một thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm; một đại diện tổ chức công đoàn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định do điều lệ quy định; các thành viên khác do Hội đồng quản trị quyết định. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc không được kiêm Trưởng

09687741

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84 8 3845 6684 *
LawSoft

Ban Kiểm soát. Tiêu chuẩn và điều kiện trở thành thành viên Ban Kiểm soát, chi phí hoạt động, tiền lương và điều kiện làm việc của Ban Kiểm soát phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp nhà nước.

- Cơ chế hoạt động của Ban Kiểm soát do Hội đồng quản trị quy định trong quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Hội đồng quản trị ban hành quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

c) Tổng giám đốc:

- Là người đại diện theo pháp luật, điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng công ty (Công ty mẹ) theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, phù hợp với Điều lệ Tổng công ty (Công ty mẹ); chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

- Hội đồng quản trị quyết định tuyển chọn, bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng, thời hạn bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với Tổng giám đốc, sau khi được Đại diện chủ sở hữu chấp thuận. Điều lệ quy định rõ cơ chế bổ nhiệm hay ký hợp đồng đối với Tổng giám đốc; quy định thời hạn tối đa và tối thiểu bổ nhiệm, ký hợp đồng nhưng tối đa không quá 5 năm; các tiêu chuẩn và điều kiện đối với người được bổ nhiệm, ký hợp đồng làm Tổng giám đốc; điều kiện miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và các căn cứ xác định để miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng

(hoặc được loại trừ không xem xét để miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng), bao gồm: tình trạng doanh nghiệp lỗ, lãi đan xen nhau nhưng không khắc phục được; các trường hợp bất khả kháng mà doanh nghiệp bị lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu mà Đại diện chủ sở hữu thấy không thể khắc phục được; quy mô, mức độ đầu tư, mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ mà trên mức đó sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu; các chỉ tiêu có ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động hoặc kết quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Căn cứ vào các quy định trong Luật Doanh nghiệp nhà nước và Nghị định 153/2004/NĐ-CP, điều lệ quy định rõ các vấn đề do Tổng giám đốc tự quyết định theo pháp luật; các vấn đề do Hội đồng quản trị phân cấp cho Tổng giám đốc và các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo Hội đồng quản trị. Các vấn đề được cụ thể hóa trong điều lệ và xác định rõ mức độ tham gia của Tổng giám đốc bao gồm:

+ Xây dựng kế hoạch hàng năm của Tổng công ty (Công ty mẹ), phương án huy động vốn, dự án đầu tư, phương án liên doanh, đề án tổ chức quản lý, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty (Công ty mẹ), quy hoạch đào tạo lao động, phương án phối hợp kinh doanh giữa các đơn vị thành viên hoặc với các doanh nghiệp khác trình Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị.

+ Quyết định các dự án đầu tư, bán tài

sản, các hợp đồng vay, cho vay, thuê, cho thuê và hợp đồng kinh tế khác của Tổng công ty (Công ty mẹ); quyết định phương án sử dụng vốn, tài sản của Tổng công ty (Công ty mẹ) để góp vốn, mua cổ phần của các công ty trong nước.

+ Tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng hoặc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và phụ cấp đối với: Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng Tổng công ty (Công ty mẹ); Giám đốc đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc, đơn vị sự nghiệp, công ty thành viên hạch toán độc lập sau khi có sự phê duyệt của Hội đồng quản trị; Phó giám đốc đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc, đơn vị sự nghiệp, công ty thành viên hạch toán độc lập theo đề nghị của Giám đốc đơn vị đó; trưởng, phó phòng (ban) Tổng công ty (Công ty mẹ); Phó giám đốc công ty thành viên và đơn vị sự nghiệp của Tổng công ty (Công ty mẹ) theo đề nghị của Giám đốc công ty thành viên và đơn vị sự nghiệp; cử người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty (Công ty mẹ) ở doanh nghiệp khác; các chức danh khác theo phân cấp của Hội đồng quản trị.

+ Xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn sản phẩm, đơn giá tiền lương; kiểm tra việc thực hiện các định mức, tiêu chuẩn, đơn giá quy định trong nội bộ Tổng công ty (Công ty mẹ).

+ Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư; quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị

và công nghệ; điều hành hoạt động của Tổng công ty (Công ty mẹ) nhằm thực hiện các nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị; áp dụng các biện pháp cần thiết trong trường hợp khẩn cấp; báo cáo trước Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty (Công ty mẹ); thực hiện việc công bố công khai các báo cáo tài chính theo quy định của Chính phủ.

+ Ký kết các hợp đồng dân sự, kinh tế của Tổng công ty (Công ty mẹ).

+ Chế độ lương theo năm tương ứng với hiệu quả kinh doanh; thanh toán, quyết toán tiền lương, tiền thưởng.

+ Các quyền và nghĩa vụ khác theo điều kiện cụ thể của Tổng công ty (Công ty mẹ).

d) Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

- Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng do Hội đồng quản trị tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng theo đề nghị của Tổng giám đốc.

- Các Phó tổng giám đốc giúp Tổng giám đốc điều hành Tổng công ty (Công ty mẹ) theo phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền. Việc ủy quyền có liên quan đến việc ký kết hợp đồng kinh tế hoặc liên quan tới việc sử dụng con dấu của Tổng công ty

(Công ty mẹ) đều phải thực hiện bằng văn bản. Điều lệ quy định cụ thể số lượng Phó Tổng giám đốc.

- Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán của Tổng công ty (Công ty mẹ); giúp Tổng giám đốc giám sát tài chính tại Tổng công ty (Công ty mẹ) theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

- Thời hạn bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng không quá số năm được điều lệ quy định. Điều lệ quy định cụ thể thời hạn bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng, nhưng tối đa không quá 5 năm.

đ) Các phòng chuyên môn nghiệp vụ: Điều lệ ghi chi tiết tên các phòng (ban) giúp việc Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; bộ phận thường trực tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, thực hiện nhiệm vụ do Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công (điều lệ ghi cụ thể số lượng người, nhưng không quá 5 người). Cơ cấu, biên chế, số lượng và chức năng, nhiệm vụ của các phòng (ban) chuyên môn, nghiệp vụ điều chỉnh phù hợp với nhu cầu hoạt động kinh doanh. Nhiệm vụ cụ thể của các phòng (ban) chuyên môn, nghiệp vụ được quy định tại quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty (Công ty mẹ).

5. Quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong quản lý và điều hành:

Điều lệ phải quy định rõ mối quan hệ về quyền và trách nhiệm giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty (Công ty mẹ):

a) Tổng giám đốc phải tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; trách nhiệm báo cáo của Tổng giám đốc đối với Hội đồng quản trị; phương thức, nội dung, thời hạn báo cáo.

b) Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia vào các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các đề án trình Hội đồng quản trị do Tổng giám đốc chủ trì. Tổng giám đốc không phải thành viên Hội đồng quản trị được mời tham dự cuộc họp của Hội đồng quản trị, được quyền phát biểu nhưng không có quyền biểu quyết.

c) Nguyên tắc giải quyết khi có vướng mắc trong quá trình hoạt động: Trường hợp phát hiện những bất hợp lý trong quá trình thực hiện Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc phải báo cáo với Hội đồng quản trị để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định; nếu Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Đại diện chủ sở hữu.

d) Nghĩa vụ, trách nhiệm của cá nhân

Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc khi Tổng công ty (Công ty mẹ) không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

6. Tập thể người lao động trong Tổng công ty, Công ty mẹ

Căn cứ vào mục VI chương IV của Luật Doanh nghiệp nhà nước, Nghị định 153/2004/NĐ-CP, Quy chế dân chủ ở doanh nghiệp nhà nước và các quy định khác của pháp luật, nội dung điều lệ quy định các hình thức và các nội dung tham gia quản lý Tổng công ty (Công ty mẹ) của người lao động. Nội dung tham gia quản lý của người lao động bao gồm việc thảo luận, góp ý kiến về: nội dung thỏa ước lao động tập thể; quy chế sử dụng các quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng; các chỉ tiêu kế hoạch của Tổng công ty (Công ty mẹ) có liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động; bầu và đánh giá về Ban Thanh tra nhân dân.

7. Nguyên tắc xác định nội dung quan hệ của Tổng công ty với đơn vị hạch toán phụ thuộc, các đơn vị thành viên và doanh nghiệp không có vốn góp chi phối của Tổng công ty; quan hệ của Công ty mẹ với đơn vị hạch toán phụ thuộc, các công ty con và công ty liên kết

a) Nội dung quan hệ của Tổng công ty, Công ty mẹ với các đơn vị này bao gồm: nội dung các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty đối với từng loại hình đơn vị thành viên và các doanh nghiệp có cổ

phần, vốn góp không chi phối của Tổng công ty; hoặc nội dung các quyền và nghĩa vụ của Công ty mẹ đối với từng loại công ty con, đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ và các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp không chi phối của Công ty mẹ.

b) Căn cứ xác định nội dung quan hệ:

- Căn cứ vào quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty (Công ty mẹ); quyền, nghĩa vụ và địa vị pháp lý của từng loại đơn vị theo Luật Doanh nghiệp nhà nước, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Căn cứ vào các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.

- Căn cứ vào các quyền hạn và nghĩa vụ của các chức danh đại diện cho Tổng công ty (Công ty mẹ) được cử hoặc bầu vào các chức danh quản lý, điều hành tại các đơn vị đó.

- Căn cứ vào tỷ lệ vốn góp chi phối hoặc không chi phối của Tổng công ty (Công ty mẹ) tại các đơn vị này.

8. Các quy định cụ thể

8.1. Quan hệ của Tổng công ty, Công ty mẹ với đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc

Đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc bao gồm các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty (Công ty mẹ); chi nhánh, văn phòng đại diện. Nội dung điều lệ bao

gồm các quy định về địa vị pháp lý, nguyên tắc hoạt động và quan hệ về quyền và nghĩa vụ giữa Tổng công ty (Công ty mẹ) và các đơn vị này. Cơ chế hoạt động cụ thể của đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc được quy định trong điều lệ hoặc quy chế hoạt động của đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc do Hội đồng quản trị Tổng công ty (Công ty mẹ) phê chuẩn.

Đối với các Tổng công ty có tổ chức đơn vị sự nghiệp, điều lệ xác định địa vị pháp lý, nguyên tắc hoạt động và quan hệ của Tổng công ty với đơn vị sự nghiệp. Đơn vị sự nghiệp thực hiện chế độ phân cấp hạch toán do Tổng công ty quy định. Cơ chế hoạt động cụ thể của đơn vị này được quy định trong điều lệ hoặc quy chế do Hội đồng quản trị Tổng công ty phê chuẩn.

8.2. Quan hệ của Tổng công ty (Công ty mẹ) với đơn vị thành viên (công ty con) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị Tổng công ty (Công ty mẹ) là Đại diện chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Quan hệ của Tổng công ty (Công ty mẹ) với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thực hiện thông qua việc sử dụng quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị Tổng công ty (Công ty mẹ) đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một

thành viên; thông qua các chức danh quản lý, điều hành của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty (Công ty mẹ) cử gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Các quyền, nghĩa vụ trong quan hệ với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà điều lệ Tổng công ty (Công ty mẹ) quy định đối với Hội đồng quản trị Tổng công ty (Công ty mẹ) và các chức danh do Tổng công ty (Công ty mẹ) cử tham gia ban quản lý, điều hành tại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải phù hợp với các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định pháp luật về chuyên đổi công ty nhà nước, doanh nghiệp của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

8.3. Quan hệ của Tổng công ty (Công ty mẹ) với các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp chi phối của Tổng công ty (Công ty mẹ)

Đơn vị thành viên (công ty con) là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên, công ty liên doanh, công ty ở nước ngoài mà Tổng công ty (Công ty mẹ) nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoạt động theo quy định của pháp luật về công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên, công ty liên doanh, công ty ở nước

ngoài và theo điều lệ của các doanh nghiệp này. Tổng công ty (Công ty mẹ) thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông hoặc thành viên, bên liên doanh, bên góp vốn chi phối tại các doanh nghiệp này.

Quyền chi phối của Tổng công ty (Công ty mẹ) thông qua người trực tiếp quản lý phần vốn của Tổng công ty (hoặc Công ty mẹ) tại các doanh nghiệp này (gọi tắt là người đại diện). Người đại diện là người được Tổng công ty (Công ty mẹ) đề cử và được bầu làm Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát của các doanh nghiệp này.

Nội dung điều lệ phải quy định cụ thể về người đại diện, gồm:

- Các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của người đại diện trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh tại đơn vị thành viên.

- Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với người đại diện.

- Chế độ và quyền lợi của người đại diện.

8.4. Quan hệ của Tổng công ty với công ty có vốn góp dưới mức chi phối; quan hệ của Công ty mẹ với công ty liên kết

Công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên, công ty liên doanh, công ty ở nước ngoài mà

Tổng công ty (Công ty mẹ) nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống được gọi là công ty có vốn góp dưới mức chi phối (đối với Tổng công ty) hoặc công ty liên kết (đối với Công ty mẹ).

Công ty có vốn góp dưới mức chi phối, công ty liên kết hoạt động theo quy định của pháp luật về công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên, công ty liên doanh, công ty ở nước ngoài và theo điều lệ của các công ty đó.

Tổng công ty (Công ty mẹ) thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông hoặc thành viên, bên liên doanh, bên góp vốn thông qua người trực tiếp quản lý phần vốn (gọi tắt là người đại diện) của Tổng công ty (Công ty mẹ) tại các công ty này.

Nội dung điều lệ phải quy định cụ thể về người đại diện đối với trường hợp người đại diện không giữ chức danh quản lý, điều hành và trường hợp được Tổng công ty (Công ty mẹ) đề cử và được bầu vào chức danh quản lý, điều hành tại các công ty này (Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát). Nội dung quy định bao gồm:

- Các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của người đại diện trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh tại công ty.

- Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với người đại diện.

- Chế độ và quyền lợi của người đại diện.

8.5. Quan hệ của Tổng công ty với công ty thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty

a) Công ty thành viên hạch toán độc lập có tư cách pháp nhân; có quyền tự chủ hoạt động và thực hiện nghĩa vụ của công ty nhà nước độc lập nhưng chịu sự ràng buộc về quyền và nghĩa vụ với Tổng công ty theo điều lệ của Tổng công ty. Các ràng buộc về quyền và nghĩa vụ của công ty thành viên hạch toán độc lập với Tổng công ty phải được quy định trong điều lệ của công ty. Hội đồng quản trị Tổng công ty phê duyệt điều lệ của công ty.

b) Điều lệ của công ty thành viên hạch toán độc lập gồm có các nội dung như của điều lệ công ty nhà nước độc lập, trừ các quan hệ ràng buộc về quyền và nghĩa vụ giữa công ty thành viên hạch toán độc lập và Tổng công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành và các quy định khác của pháp luật.

Các quan hệ ràng buộc về quyền và nghĩa vụ giữa công ty thành viên hạch toán độc lập và Tổng công ty bao gồm:

- Công ty thành viên hạch toán độc lập quản lý và chủ động sử dụng số vốn của công ty và vốn do Tổng công ty đầu tư; chịu trách nhiệm trước Tổng công ty về hiệu quả sử dụng vốn và các nguồn lực do Tổng công ty đầu tư; tự chủ tài chính,

tự chịu trách nhiệm dân sự bằng toàn bộ tài sản của công ty. Vốn của công ty thành viên hạch toán độc lập bao gồm vốn do Tổng công ty đầu tư tại công ty, vốn do công ty tự huy động và các nguồn vốn khác.

Sau khi hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, chuyển lỗ theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, trích lập quỹ dự phòng tài chính, phần lợi nhuận còn lại được phân chia theo vốn Tổng công ty đầu tư và vốn của công ty tự huy động. Phần lợi nhuận phân chia theo vốn Tổng công ty đầu tư được dùng để tái đầu tư tăng vốn nhà nước tại công ty hoặc hình thành quỹ tập trung của Tổng công ty theo quy định của Nghị định 199/2004/NĐ-CP. Phần lợi nhuận phân chia theo vốn công ty tự huy động được trích bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển của công ty theo tỷ lệ do Nghị định 199/2004/NĐ-CP quy định; phần còn lại do công ty tự quyết định việc phân phối vào quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi.

- Công ty thành viên hạch toán độc lập có nghĩa vụ thực hiện kế hoạch kinh doanh chung của Tổng công ty, chịu trách nhiệm về các hoạt động kinh doanh phối hợp với Tổng công ty, thực hiện các hợp đồng kinh tế do Tổng công ty ký kết và giao công ty thực hiện. Trường hợp Tổng công ty giao nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh cho công ty thì phải ký kết hợp đồng kinh tế với công ty.

- Tổng công ty phân cấp cho công ty thành viên hạch toán độc lập quyết định các dự án đầu tư; mức phân cấp phải được quy định trong cả điều lệ của Tổng công ty và điều lệ của công ty thành viên hạch toán độc lập. Khi công ty thành viên hạch toán độc lập tự nguyện tham gia các hình thức đầu tư cùng Tổng công ty hoặc được Tổng công ty giao tổ chức thực hiện các dự án đầu tư theo kế hoạch của Tổng công ty thì Tổng công ty phải ký kết hợp đồng với công ty. Công ty thành viên hạch toán độc lập có quyền đầu tư, góp vốn vào công ty khác theo mức được Tổng công ty phân cấp; được tự chủ tiến hành các hoạt động kinh doanh, ký kết các hợp đồng kinh tế trong mức phân cấp hoặc không thuộc phạm vi điều tiết của Tổng công ty.

- Công ty thành viên hạch toán độc lập có quyền đề nghị Tổng công ty quyết định hoặc được Tổng công ty ủy quyền quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, sáp nhập các đơn vị phụ thuộc và quyết định bộ máy quản lý của các đơn vị phụ thuộc. Phạm vi ủy quyền phải được quy định trong cả điều lệ của Tổng công ty và điều lệ của công ty.

- Khi được Nhà nước yêu cầu, đặt hàng hoặc tham gia đấu thầu thực hiện hoạt động công ích, công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 19 của Luật Doanh nghiệp nhà nước và theo yêu cầu, đặt hàng hoặc hợp đồng giao thầu của Nhà nước.

- Công ty thành viên hạch toán độc lập

chịu sự giám sát, kiểm tra của Tổng công ty; định kỳ báo cáo chính xác, đầy đủ các thông tin về công ty và báo cáo tài chính của công ty với Tổng công ty.

9. Tổ chức lại

9.1. Tổ chức lại Tổng công ty

a) Việc tổ chức lại được áp dụng cho các đối tượng là Tổng công ty, công ty thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty.

b) Các hình thức tổ chức lại bao gồm:

- Sáp nhập công ty thành viên hạch toán độc lập vào công ty thành viên hạch toán độc lập khác trong Tổng công ty hoặc vào công ty nhà nước khác ngoài Tổng công ty;

- Hợp nhất các công ty thành viên hạch toán độc lập trong cùng Tổng công ty hoặc hợp nhất công ty thành viên hạch toán độc lập với công ty nhà nước khác ngoài Tổng công ty;

- Chia công ty thành viên hạch toán độc lập thành nhiều đơn vị thành viên;

- Tách công ty thành viên hạch toán độc lập thành nhiều đơn vị thành viên;

- Chuyển công ty thành viên hạch toán độc lập, bộ phận của công ty thành viên hạch toán độc lập thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên;

- Khoán, cho thuê công ty thành viên hạch toán độc lập;

- Hợp nhất, sáp nhập Tổng công ty với Tổng công ty khác; chia, tách Tổng công ty; chuyển Tổng công ty do Nhà nước quyết định đầu tư và thành lập thành Tổng công ty do các công ty tự đầu tư và thành lập;

- Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

c) Người có thẩm quyền quyết định tổ chức lại đối với Tổng công ty, công ty thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty quy định tại Nghị định số 180/2004/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2004 về thành lập mới, tổ chức lại và giải thể công ty nhà nước (sau đây gọi tắt là Nghị định 180/2004/NĐ-CP).

d) Điều kiện thực hiện các hình thức tổ chức lại:

- Chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên áp dụng đối với công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc danh mục Nhà nước củng cố, phát triển, duy trì 100% sở hữu theo các tiêu chí của Quyết định số 155/2004/QĐ-TTg ngày 24/8/2004 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại công ty nhà nước, công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng công ty nhà nước (sau đây gọi tắt là Quyết định 155/2004/QĐ-TTg).

- Chuyển thành Tổng công ty do các công ty tự đầu tư và thành lập trong

trường hợp xác định được công ty mẹ và công ty mẹ đáp ứng được tất cả các điều kiện sau đây:

+ Thuộc danh mục Nhà nước củng cố, phát triển, tiếp tục duy trì 100% sở hữu nhà nước ở công ty mẹ;

+ Đang có vốn góp chi phối ở nhiều công ty khác hoặc có kế hoạch cổ phần hóa, bán các công ty thành viên Tổng công ty, các bộ phận của công ty nhà nước nhưng công ty nhà nước giữ cổ phần chi phối, vốn góp chi phối;

+ Kinh doanh đa ngành nghề, trong đó có một ngành kinh doanh chính; có nhiều đơn vị phụ thuộc ở trong và ngoài nước;

+ Có quy mô vốn lớn để thực hiện việc đầu tư vốn vào các công ty khác;

+ Có khả năng phát triển.

- Sáp nhập, hợp nhất, chia, tách Tổng công ty, công ty thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty theo các tiêu chí của Quyết định 155/2004/QĐ-TTg ngày 24/8/2004.

9.2. Tổ chức lại Công ty mẹ

a) Các hình thức tổ chức lại bao gồm:

- Sáp nhập Công ty mẹ vào công ty nhà nước khác hoặc ngược lại;

- Hợp nhất Công ty mẹ với công ty nhà nước khác;

- Chia Công ty mẹ thành nhiều công ty nhà nước;

- Tách Công ty mẹ thành nhiều công ty nhà nước;

- Chuyển Công ty mẹ, bộ phận của Công ty mẹ thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên;

- Khoán, cho thuê Công ty mẹ;

- Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

b) Người có thẩm quyền quyết định tổ chức lại đối với Công ty mẹ theo quy định tại Nghị định 180/2004/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2004.

c) Điều kiện thực hiện các hình thức tổ chức lại:

- Chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên áp dụng đối với công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc danh mục Nhà nước củng cố, phát triển, duy trì 100% sở hữu theo các tiêu chí của Quyết định số 155/2004/QĐ-TTg ngày 24/8/2004 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại công ty nhà nước, công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Công ty mẹ nhà nước (sau đây gọi tắt là Quyết định 155/2004/QĐ-TTg).

- Sáp nhập, hợp nhất, chia, tách Công ty mẹ theo các tiêu chí của Quyết định 155/2004/QĐ-TTg ngày 24/8/2004.

10. Giải thể, phá sản Tổng công ty, Công ty mẹ

a) Giải thể được áp dụng đối với các đối tượng là Tổng công ty, công ty thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty, Công ty mẹ.

b) Giải thể Tổng công ty là giải thể bộ máy quản lý Tổng công ty, chuyển Tổng công ty thành các công ty nhà nước độc lập.

c) Điều kiện giải thể Tổng công ty, Công ty mẹ bao gồm:

- Kinh doanh thua lỗ kéo dài nhưng chưa lâm vào tình trạng phá sản;

- Không thực hiện được các nhiệm vụ do Nhà nước giao sau khi đã áp dụng các biện pháp cần thiết;

- Việc tiếp tục duy trì Tổng công ty, Công ty mẹ là không cần thiết.

d) Tổng công ty, công ty thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty, Công ty mẹ thực hiện việc giải thể theo trình tự, thủ tục giải thể do pháp luật quy định.

đ) Đại diện pháp luật của Tổng công ty, công ty thành viên hạch toán độc lập, Công ty mẹ là người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với Tổng công ty, công ty thành viên hạch toán độc lập, Công ty mẹ trong trường hợp chủ nợ có yêu cầu thanh toán các khoản nợ đến hạn nhưng Tổng công ty, công ty thành viên hạch toán độc lập, Công ty mẹ

không có khả năng thanh toán, hoặc không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn và đang lâm vào tình trạng phá sản. Tổng công ty, công ty thành viên hạch toán độc lập, Công ty mẹ tiến hành các thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.

11. Cơ chế hoạt động tài chính của Tổng công ty, Công ty mẹ

Cơ chế hoạt động tài chính của Tổng công ty, Công ty mẹ bao gồm các nội dung sau:

a) Các cơ chế quy định trong Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty, Công ty mẹ.

Mục tiêu của Quy chế quản lý tài chính nhằm cụ thể hóa các quy định về cơ chế tài chính của Luật Doanh nghiệp nhà nước, Nghị định 199/2004/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành đối với Tổng công ty, Công ty mẹ. Quy chế do Hội đồng quản trị ban hành sau khi có sự đồng ý bằng văn bản của Đại diện chủ sở hữu và Bộ Tài chính. Các nội dung của Quy chế phải phù hợp với các quy định pháp luật về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của công ty nhà nước và các nguyên tắc quản lý tài chính của Nhà nước đối với công ty nhà nước. Nội dung Quy chế quản lý tài chính bao gồm các quy định về quản lý tài chính của Nhà nước đối với Tổng công ty, Công ty mẹ; quan hệ về tài chính giữa Tổng công ty (Công ty mẹ) với các đơn vị thành viên (công ty con); cơ chế quản lý vốn, tài sản,

doanh thu, chi phí, giá thành, kết quả hoạt động kinh doanh, phân phối lợi nhuận, các quỹ và mục đích sử dụng các quỹ của Tổng công ty, Công ty mẹ.

b) Cơ chế xác lập vốn điều lệ, tăng, giảm vốn điều lệ.

Vốn điều lệ của Tổng công ty, Công ty mẹ là vốn của chủ sở hữu đầu tư tại Tổng công ty, Công ty mẹ tại thời điểm thành lập và đăng ký kinh doanh của Tổng công ty, Công ty mẹ hoặc tại các thời điểm chủ sở hữu điều chỉnh mức vốn đầu tư tại Tổng công ty, Công ty mẹ. Nguồn tăng vốn điều lệ Tổng công ty, Công ty mẹ là từ lợi nhuận sau thuế; chủ sở hữu bổ sung từ ngân sách nhà nước hoặc nguồn khác; chủ sở hữu giao, ủy quyền thực hiện chức năng chủ sở hữu một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của đơn vị thành viên hoặc công ty con, các công ty có vốn góp dưới mức chi phối của Tổng công ty hoặc công ty liên kết của Công ty mẹ. Việc điều chỉnh tăng hay giảm vốn điều lệ do Đại diện chủ sở hữu quyết định sau khi thỏa thuận với Bộ Tài chính.

c) Cơ chế trách nhiệm của chủ sở hữu về vốn điều lệ.

Chủ sở hữu chỉ được rút vốn đã đầu tư vào Tổng công ty, Công ty mẹ trong trường hợp điều chỉnh giảm vốn điều lệ nhưng phải đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng công ty, Công ty mẹ; trường hợp không điều chỉnh vốn điều lệ thì chỉ được rút vốn thông qua chuyển

nhượng toàn bộ hoặc một phần vốn cho các tổ chức, cá nhân khác. Chủ sở hữu có trách nhiệm đầu tư đủ vốn, bổ sung vốn theo đúng thời hạn đã cam kết; nếu sau 2 năm mà không đầu tư đủ và đúng hạn thì phải điều chỉnh vốn điều lệ của Tổng công ty, Công ty mẹ.

d) Cơ chế xây dựng và phê duyệt kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính hàng năm của Tổng công ty, Công ty mẹ.

Tổng giám đốc có trách nhiệm xây dựng các kế hoạch này trình Hội đồng quản trị phê duyệt. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo Đại diện chủ sở hữu làm căn cứ để giám sát và đánh giá kết quả quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

đ) Cơ chế giám sát nội bộ trong Tổng công ty, Công ty mẹ.

Tổng giám đốc có trách nhiệm trình báo cáo tài chính để Hội đồng quản trị thẩm tra. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm về tính trung thực của số liệu báo cáo tài chính. Sau khi thẩm tra, Tổng công ty, Công ty mẹ trình Đại diện chủ sở hữu phê duyệt báo cáo tài chính quý, năm và gửi đến các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật.

12. Sổ sách, hồ sơ và thông tin

a) Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp nhà nước và các quy định khác của pháp luật để quy định cụ thể về danh mục tài liệu

mà Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi cho Đại diện chủ sở hữu; thời gian và định kỳ gửi tài liệu; hồ sơ, tài liệu gửi đột xuất cho Đại diện chủ sở hữu theo yêu cầu bằng văn bản của Đại diện chủ sở hữu; trách nhiệm gửi yêu cầu bằng văn bản của Đại diện chủ sở hữu.

b) Trách nhiệm của Tổng giám đốc về lưu giữ hồ sơ, sổ sách và chuẩn bị cung cấp thông tin:

- Tổ chức chuẩn bị hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của Đại diện chủ sở hữu và báo cáo Hội đồng quản trị; Hội đồng quản trị cung cấp hồ sơ, tài liệu cho Đại diện chủ sở hữu.

- Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và cung cấp cho Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị.

- Tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty, Công ty mẹ.

- Thực hiện các quy định của pháp luật và Điều lệ về công khai thông tin; chịu trách nhiệm về thực hiện công khai thông tin. Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi thông tin thực hiện theo các quy định của pháp luật. Bộ phận lưu giữ hồ sơ, tài liệu chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quyết định của Tổng giám đốc hoặc người được Tổng giám đốc ủy quyền.

- Tổ chức cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm

tra theo yêu cầu thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

c) Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý của Tổng công ty, Công ty mẹ cung cấp mọi hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.

d) Người lao động trong Tổng công ty (Công ty mẹ) có quyền tìm hiểu thông tin về Tổng công ty (Công ty mẹ) thông qua Đại hội công nhân viên chức và Ban Thanh tra nhân dân. Điều lệ quy định cụ thể loại thông tin người lao động có quyền tìm hiểu thông qua Đại hội công nhân viên chức và Ban Thanh tra nhân dân.

13. Sửa đổi, bổ sung điều lệ

Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty (Công ty mẹ) có quyền kiến nghị Đại diện chủ sở hữu về phương án sửa đổi, bổ sung điều lệ. Việc sửa đổi, bổ sung điều lệ Tổng công ty do Đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định và phê duyệt. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có quyền kiến nghị Đại diện chủ sở hữu về phương án sửa đổi, bổ sung điều lệ.

Trường hợp có các quy định khác của pháp luật liên quan đến hoạt động của Tổng công ty (Công ty mẹ) mới được ban hành hoặc chưa được đề cập trong điều lệ này thì Tổng công ty (Công ty mẹ)

phải áp dụng các quy định đó để điều chỉnh đối với hoạt động của mình.

Trường hợp cơ cấu thành viên Tổng công ty chuyển theo cơ cấu của mô hình công ty mẹ - công ty con thì phải sửa đổi lại điều lệ và chuyển sang hoạt động theo điều lệ công ty mẹ - công ty con. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

14. Giải quyết tranh chấp nội bộ

Việc giải quyết tranh chấp nội bộ hoặc tranh chấp liên quan đến quan hệ giữa Đại diện chủ sở hữu và Tổng công ty (Công ty mẹ), giữa Đại diện chủ sở hữu và Hội đồng quản trị, giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc, bộ máy giúp việc được căn cứ theo điều lệ Tổng công ty (Công ty mẹ). Trường hợp không được các bên chấp thuận, thì bất kỳ bên nào cũng có thể đưa ra các cơ quan có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp để giải quyết.

15. Về điều khoản thi hành

Quy định cụ thể về thời điểm điều lệ có hiệu lực, trách nhiệm tổ chức thực hiện, nơi ban hành, chữ ký của Đại diện chủ sở hữu.

III. QUY TRÌNH XÂY DỰNG ĐIỀU LỆ

1. Căn cứ để xây dựng điều lệ bao gồm:

- Luật Doanh nghiệp nhà nước 2003, Nghị định 153/2004/NĐ-CP, Nghị định

199/2004/NĐ-CP, Nghị định 180/2004/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các văn bản có liên quan.

- Quyết định của cấp có thẩm quyền về thành lập mới, sắp xếp, tổ chức lại Tổng công ty hoặc quyết định sắp xếp, tổ chức lại, chuyển đổi Tổng công ty sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

- Các quy định pháp luật thuộc lĩnh vực chuyên ngành.

- Các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Điều lệ hiện hành của Tổng công ty (nếu là sửa đổi, bổ sung điều lệ hoặc tổ chức lại Tổng công ty); điều lệ hiện hành của Công ty mẹ (nếu là sửa đổi, bổ sung điều lệ hoặc tổ chức lại Công ty mẹ).

- Cơ cấu của các đơn vị thành viên và kế hoạch sắp xếp đổi mới các đơn vị thành viên (đối với Tổng công ty); cơ cấu của Công ty mẹ, các công ty con, công ty liên kết (đối với mô hình Công ty mẹ - Công ty con).

- Căn cứ vào Thông tư này và mẫu điều lệ Tổng công ty do Nhà nước quyết định đầu tư và thành lập quy định tại Phụ lục 1 (đối với trường hợp xây dựng điều lệ Tổng công ty do Nhà nước quyết định đầu tư và thành lập); Thông tư này

và mẫu điều lệ Công ty mẹ quy định tại Phụ lục 2 (đối với trường hợp xây dựng điều lệ Công ty mẹ).

2. Các bước tiến hành

a) Đối với trường hợp Tổng công ty (Công ty mẹ) đã được thành lập, đang hoạt động; Tổng công ty, công ty thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty, công ty nhà nước độc lập chuyển đổi theo Nghị định 153/2004/NĐ-CP:

Bước 1. Hội đồng quản trị Tổng công ty (công ty mẹ) thành lập Tổ xây dựng điều lệ gồm các thành viên từ các bộ phận có liên quan của Tổng công ty (Công ty mẹ) hoặc mời thêm chuyên gia tư vấn ở ngoài.

Tổ xây dựng điều lệ do Tổng giám đốc làm Tổ trưởng hoặc Hội đồng quản trị cử một thành viên làm Tổ trưởng, hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị trực tiếp làm Tổ trưởng. Nhiệm vụ của Tổ là tập hợp các căn cứ để xây dựng điều lệ; xây dựng đề cương điều lệ; thảo luận và thống nhất trong Tổ về đề cương điều lệ; trình Hội đồng quản trị đề cương điều lệ.

Bước 2. Hội đồng quản trị thảo luận và quyết định đề cương điều lệ; giao Tổ xây dựng điều lệ triển khai xây dựng dự thảo điều lệ.

Bước 3. Tổ xây dựng điều lệ tiến hành xây dựng dự thảo điều lệ; thảo luận trong nội bộ Tổ; lấy ý kiến các chuyên gia (nếu cần); lấy ý kiến của các phòng, ban, các đơn vị trong Tổng công ty, Công ty mẹ.

Trọng tâm lấy ý kiến là các nội dung của dự thảo điều lệ và đối chiếu, so sánh về sự nhất quán của các quy định trong điều lệ Tổng công ty (Công ty mẹ) với các quy định trong điều lệ của từng đơn vị thành viên (công ty con, công ty liên kết), với Luật Doanh nghiệp nhà nước, Nghị định 153/2004/NĐ-CP, Nghị định 199/2004/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Đối với các đơn vị thành viên mà Tổng công ty không nắm giữ 100% vốn điều lệ, các công ty con, công ty liên kết của Công ty mẹ, thì chỉ lấy ý kiến của người đại diện phần vốn của Tổng công ty, Công ty mẹ hoặc có thể lấy thêm ý kiến của các công ty này về phần nội dung có liên quan của điều lệ.

Bước 4. Tiếp thu ý kiến thảo luận góp ý: Tổ xây dựng điều lệ nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến góp ý, hoàn chỉnh lại dự thảo điều lệ, trình Hội đồng quản trị xem xét.

Bước 5. Hội đồng quản trị thảo luận về dự thảo điều lệ, quyết định việc trình hay chưa trình dự thảo điều lệ lên Đại diện chủ sở hữu.

Trường hợp quyết định trình lên Đại diện chủ sở hữu, Hội đồng quản trị tổ chức việc lập hồ sơ về xây dựng điều lệ để gửi lên Đại diện chủ sở hữu. Hồ sơ tối thiểu gồm có:

- Dự thảo điều lệ Tổng công ty hoặc dự thảo điều lệ Công ty mẹ.

- Bản thuyết minh về việc phân cấp quyền hạn của Tổng công ty (Công ty mẹ) đối với các đơn vị thành viên (công ty con), đối với người đại diện phần vốn của Tổng công ty (Công ty mẹ) tại các doanh nghiệp thành viên (công ty con, công ty liên kết); xác định vốn điều lệ của Tổng công ty (Công ty mẹ) và vốn đầu tư của Tổng công ty (Công ty mẹ) tại các doanh nghiệp thành viên (Công ty con, công ty liên kết).

- Các kiến nghị với Đại diện chủ sở hữu về phân cấp quyền hạn của Đại diện chủ sở hữu đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty (Công ty mẹ) về các vấn đề cần được phân cấp theo Luật Doanh nghiệp nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành; kèm theo là Bản thuyết minh về các kiến nghị và các vấn đề có ý kiến khác nhau.

- Biên bản tổng hợp ý kiến góp ý của các chuyên gia, các phòng, ban và đơn vị thành viên trong Tổng công ty; các chuyên gia, các phòng, ban trong Công ty mẹ; người đại diện phần vốn của Tổng công ty (Công ty mẹ) tại công ty con, công ty liên kết.

- Các tài liệu có liên quan khác.

Trường hợp chưa đủ cơ sở trình dự thảo lên Đại diện chủ sở hữu, Hội đồng quản trị giao Tổ xây dựng điều lệ nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến của Hội đồng quản trị, hoàn chỉnh lại dự thảo điều lệ, trình Hội đồng quản trị xem xét tiếp.

Bước 6. Đại diện chủ sở hữu xem xét,

thẩm định hồ sơ do Hội đồng quản trị Tổng công ty (Công ty mẹ) trình và quyết định nội dung của điều lệ theo thẩm quyền do pháp luật quy định như sau:

- Thẩm định tính phù hợp của các nội dung dự thảo điều lệ với các quy định pháp luật có liên quan gồm: Luật Doanh nghiệp nhà nước, Nghị định 153/2004/NĐ-CP, Nghị định 199/2004/NĐ-CP, quy định của Chính phủ về thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành; Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam các văn bản hướng dẫn thi hành; các văn bản có liên quan thuộc lĩnh vực chuyên ngành.

- Thẩm định việc phân cấp và các quy định về quan hệ giữa Tổng công ty với các đơn vị thành viên; giữa Công ty mẹ với công ty con, công ty liên kết.

- Quyết định mức phân cấp của Đại diện chủ sở hữu cho Tổng công ty (Công ty mẹ) về: quyết định dự án đầu tư, mua bán, chuyển nhượng, thanh lý tài sản, sử dụng vốn, tài sản của Tổng công ty (Công ty mẹ) để góp vốn, mua cổ phần của các công ty khác.

- Quyết định mục tiêu, danh mục ngành nghề kinh doanh, thời hạn hoạt động, vốn điều lệ; số lượng thành viên và nhiệm kỳ hoạt động của Hội đồng quản trị, các tiêu chuẩn được cụ thể hóa hoặc bổ sung đối với Hội đồng quản trị; số lượng thành viên Ban Kiểm soát, tiêu chuẩn được cụ thể hóa hoặc bổ sung đối

với Ban Kiểm soát; tiêu chuẩn được cụ thể hóa hoặc bổ sung đối với bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng với Tổng giám đốc, nhiệm kỳ của Tổng giám đốc, thời gian tối thiểu Tổng giám đốc không được tiết lộ các bí mật của Tổng công ty (Công ty mẹ); tiêu chuẩn được cụ thể hóa hoặc bổ sung đối với người trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối của Tổng công ty (Công ty mẹ) ở các doanh nghiệp khác, chế độ lương, thưởng hoặc thù lao, phụ cấp trách nhiệm của họ; các nghĩa vụ, trách nhiệm được cụ thể hóa của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc; các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Thẩm định về việc xác định vốn điều lệ của Tổng công ty và vốn đầu tư của Tổng công ty tại các doanh nghiệp thành viên hoặc vốn điều lệ của Công ty mẹ và vốn đầu tư của Công ty mẹ tại các công ty con, công ty liên kết.

Bước 7. Phê duyệt điều lệ

Sau khi xem xét, thẩm định dự thảo điều lệ và hồ sơ do Hội đồng quản trị trình, nếu đáp ứng yêu cầu thì Đại diện chủ sở hữu quyết định phê duyệt.

b) Đối với trường hợp thành lập mới Tổng công ty, Công ty mẹ:

Bước 1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi chung là người đề

ngợi thành lập mới Tổng công ty, Công ty mẹ) thành lập Tổ xây dựng điều lệ. Thành phần Tổ xây dựng điều lệ gồm các thành viên Tổ xây dựng đề án thành lập Tổng công ty (Công ty mẹ); có thể mời thêm các thành viên của các bộ phận khác có liên quan đến thành lập Tổng công ty (Công ty mẹ) hoặc chuyên gia tư vấn ở ngoài. Nhiệm vụ của Tổ là tập hợp các căn cứ để xây dựng điều lệ; xây dựng đề cương điều lệ; thảo luận và thống nhất trong Tổ về đề cương điều lệ; trình người đề nghị thành lập mới Tổng công ty (Công ty mẹ) đề cương điều lệ.

Bước 2. Người đề nghị thành lập mới Tổng công ty (Công ty mẹ) xem xét và quyết định đề cương điều lệ; giao Tổ xây dựng điều lệ triển khai xây dựng dự thảo điều lệ.

Bước 3. Tổ xây dựng điều lệ tiến hành xây dựng dự thảo điều lệ; thảo luận trong nội bộ Tổ; lấy ý kiến các chuyên gia (nếu cần).

Bước 4. Tiếp thu ý kiến thảo luận góp ý: Tổ xây dựng điều lệ nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến góp ý, hoàn chỉnh lại dự thảo điều lệ, trình người đề nghị thành lập mới Tổng công ty (Công ty mẹ) xem xét.

Bước 5. Người đề nghị thành lập mới Tổng công ty (Công ty mẹ) xem xét dự thảo điều lệ và quyết định đưa hay chưa đưa vào hồ sơ thành lập mới Tổng công ty, Công ty mẹ.

Bước 6. Sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án thành lập mới, người đề nghị thành lập mới Tổng công ty (Công ty mẹ) lập hồ sơ và thực hiện các thủ tục thành lập mới Tổng công ty (Công ty mẹ) theo quy định của Nghị định 180/2004/NĐ-CP; trình Đại diện chủ sở hữu phê duyệt điều lệ Tổng công ty (Công ty mẹ).

Bước 7. Phê duyệt điều lệ

Sau khi xem xét, thẩm định dự thảo điều lệ và hồ sơ do người đề nghị thành lập mới Tổng công ty (Công ty mẹ), nếu đáp ứng yêu cầu thì Đại diện chủ sở hữu quyết định phê duyệt.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Các quy định và hướng dẫn trước đây trái với quy định và hướng dẫn tại Thông tư này đều bị bãi bỏ.

2. Các Tổng công ty, Công ty mẹ thành lập mới; các Tổng công ty, công ty nhà nước độc lập, công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng công ty đang chuyển đổi theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con căn cứ vào Thông tư hướng dẫn này xây dựng điều lệ.

3. Các Tổng công ty thành lập trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành; các Tổng công ty, công ty nhà nước độc

lập, công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng công ty đã hoàn thành việc chuyển đổi theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành tiến hành sửa đổi, bổ sung điều lệ của mình cho phù hợp với quy định tại Thông tư này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có

vướng mắc đề nghị các Bộ, ngành, địa phương, Tổng công ty và công ty nhà nước phản ánh kịp thời về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để nghiên cứu, hướng dẫn./.

BỘ TRƯỞNG

Võ Hồng Phúc

09687741

Phụ lục 1**Mẫu điều lệ của Tổng công ty do Nhà nước quyết định
đầu tư và thành lập****ĐIỀU LỆ****TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY...***[ghi tên Tổng công ty theo quyết định thành lập, tổ chức lại]*

(được phê duyệt theo Quyết định số.... ngày.... tháng.... năm... của ...[ghi số quyết định phê duyệt; ngày, tháng, năm phê duyệt; tên cơ quan quyết định phê duyệt điều lệ])

Căn cứ Luật Doanh nghiệp nhà nước số 14/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 153/2004/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2004 về tổ chức, quản lý Tổng công ty nhà nước và chuyển đổi Tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước độc lập theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 13/1999/QH10 ngày 12 tháng 6 năm 1999;

Căn cứ .v.v.

Các quy định của Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho hoạt động của Tổng công ty (...) (sau đây gọi tắt là *Tổng công ty*).

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Giải thích từ ngữ**

1. Trừ trường hợp các điều khoản của

Điều lệ này quy định khác, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “Luật Doanh nghiệp nhà nước” là Luật Doanh nghiệp nhà nước số 14/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003.

b) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 13/1999/QH10 ngày 12 tháng 6 năm 1999.

c) “Vốn điều lệ của Tổng công ty” là số vốn do chủ sở hữu đầu tư và ghi tại điều lệ Tổng công ty.

d) “Cổ phần chi phối, vốn góp chi phối của Tổng công ty” là cổ phần hoặc vốn góp của Tổng công ty chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp khác.

đ) “Quyền chi phối của Tổng công ty” là quyền của Tổng công ty quyết định đối với điều lệ hoạt động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý chủ chốt, việc tổ chức quản lý, thị trường, chiến lược kinh doanh, định hướng đầu tư và các quyết định quan trọng khác của đơn vị thành viên theo

điều lệ của đơn vị đó hoặc theo thỏa thuận giữa Tổng công ty với đơn vị thành viên.

e) “Đơn vị thành viên” là các đơn vị hạch toán phụ thuộc, đơn vị sự nghiệp, công ty thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty và các doanh nghiệp do Tổng công ty đầu tư toàn bộ vốn điều lệ hoặc nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối được tổ chức dưới hình thức, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên, công ty liên doanh, công ty ở nước ngoài.

Danh sách đơn vị thành viên tại thời điểm phê duyệt điều lệ quy định tại Phụ lục... [ghi số phụ lục] của Điều lệ này.

g) “Doanh nghiệp thành viên liên kết” là doanh nghiệp không có cổ phần, vốn góp chi phối của Tổng công ty nhưng tự nguyện tham gia thành viên của Tổng công ty, chịu sự ràng buộc về quyền, nghĩa vụ với Tổng công ty theo hợp đồng liên kết hoặc theo thỏa thuận giữa Tổng công ty với doanh nghiệp đó.

[Tùy theo đặc thù của mình, Điều lệ của từng Tổng công ty có thể bổ sung các giải thích từ ngữ khác].

2. Các từ ngữ khác trong Điều lệ này đã được giải nghĩa trong Bộ Luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp nhà nước và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa tương tự như trong các văn bản pháp luật đó.

Điều 2. Tên và trụ sở của Tổng công ty

1. Tên gọi đầy đủ: [ghi theo quyết định thành lập]

2. Tên giao dịch quốc tế: [ghi theo quyết định thành lập]

3. Tên viết tắt: [ghi theo quyết định thành lập]

4. Địa chỉ trụ sở chính: [ghi theo quyết định thành lập]

Điện thoại: [ghi số điện thoại] Fax: [ghi số fax] E-mail: [ghi địa chỉ E-mail (nếu có)].

Điều 3. Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân

1. Tổng công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước, có tư cách pháp nhân, có con dấu và được mở tài khoản tiền đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

2. Tổng công ty có vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ bằng toàn bộ tài sản của mình.

3. Tổng công ty có quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt đối với tên gọi, biểu tượng, thương hiệu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh

1. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty là:

- a) Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu đầu tư tại Tổng công ty, hoàn thành các nhiệm vụ do Đại diện chủ sở hữu Tổng công ty giao trong đó có chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu;
- b) Tối đa hóa hiệu quả hoạt động chung của toàn Tổng công ty và các đơn vị thành viên.
- c) [ghi cụ thể các mục tiêu khác của Tổng công ty].

2. Ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty bao gồm:

- a) Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp sản xuất kinh doanh trong các ngành, nghề, lĩnh vực chính bao gồm [ghi cụ thể các ngành nghề hoặc các nhóm ngành nghề kinh doanh chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh].
- b) Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các đơn vị thành viên, doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty.

Điều 5. Vốn điều lệ của Tổng công ty
Vốn điều lệ của Tổng công ty tại thời điểm.../.../200... là: ... [ghi số lượng] triệu đồng.

Điều 6. Đại diện chủ sở hữu Tổng công ty

1. Nhà nước sở hữu toàn bộ vốn điều lệ của Tổng công ty. Đại diện chủ sở hữu Tổng công ty là [tên của Bộ quản lý ngành hoặc UBND cấp tỉnh hoặc cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, tùy từng trường hợp] (sau đây gọi tắt là Đại diện chủ sở hữu). Hội đồng quản trị là cơ quan đại diện trực tiếp chủ sở hữu tại Tổng công ty.

2. Địa chỉ trụ sở chính: [tùy từng trường hợp Đại diện chủ sở hữu là Bộ quản lý ngành hoặc UBND cấp tỉnh hoặc Tổng công ty hoặc cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật mà ghi địa chỉ trụ sở của các cơ quan, tổ chức cụ thể];

Điện thoại: [ghi số điện thoại] Fax: [ghi số fax] E-mail: [ghi địa chỉ E-mail (nếu có)].

Điều 7. Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty là Tổng giám đốc.

Điều 8. Quan hệ với cơ quan quản lý nhà nước

Tổng công ty chịu sự quản lý nhà nước của cơ quan nhà nước các cấp theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tổ chức Đảng và tổ chức chính trị - xã hội trong Tổng công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Tổng công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội trong Tổng công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 10. Quyền của Tổng công ty trong hoạt động kinh doanh

[Cụ thể hóa các quyền của Tổng công ty căn cứ vào: các quy định tại các Điều 13, 15, 17, 19 và 20 Luật Doanh nghiệp nhà nước; Nghị định 153/2004/NĐ-CP, Nghị định 199/2004/NĐ-CP và các văn bản pháp quy hướng dẫn Luật Doanh nghiệp nhà nước; các quyền của Đại diện chủ sở hữu phân cấp cho Tổng công ty quy định tại Điều 13 và các điều khác có liên quan của Điều lệ này; các quyền của Tổng công ty với tư cách là chủ sở hữu, cổ đông, thành viên, bên liên doanh góp vốn tại doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật; đặc điểm ngành nghề, lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty].

Điều 11. Nghĩa vụ của Tổng công ty trong hoạt động kinh doanh

[Cụ thể hóa nghĩa vụ của Tổng công ty căn cứ vào: các quy định tại các Điều 14, 16, 18, 19 và 20 Luật Doanh nghiệp nhà nước; Nghị định 153/2004/NĐ-CP, Nghị định 199/2004/NĐ-CP và các văn bản

pháp quy hướng dẫn Luật Doanh nghiệp nhà nước; các nghĩa vụ khác của Tổng công ty trừ các nghĩa vụ quy định tại Điều 12 của Điều lệ này; các nghĩa vụ của Tổng công ty với tư cách là chủ sở hữu, cổ đông, thành viên, bên liên doanh góp vốn tại doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật; đặc điểm ngành nghề, lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty].

Điều 12. Nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng công ty đối với các đơn vị thành viên

1. Tổng công ty có nghĩa vụ với các đơn vị thành viên như sau:

a) Bảo đảm việc định hướng chiến lược kinh doanh chung của Tổng công ty phù hợp với điều lệ của các đơn vị thành viên;

b) Phối hợp giữa các đơn vị thành viên để tìm kiếm, cung cấp nguồn đầu vào, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ mà từng đơn vị không có khả năng thực hiện, thực hiện không có hiệu quả hoặc hiệu quả thấp hơn so với khi có sự phối hợp kinh doanh của toàn Tổng công ty;

c) Hạn chế tình trạng đầu tư, kinh doanh trùng lặp hoặc cạnh tranh nội bộ dẫn đến phân tán, lãng phí nguồn lực, giảm hiệu quả kinh doanh của toàn Tổng công ty;

d) Thực hiện hoạt động nghiên cứu, tiếp thị, xúc tiến thương mại, tạo điều kiện cho các đơn vị thành viên mở rộng và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh;

đ) Thực hiện các quyền chi phối đối với đơn vị thành viên theo Điều lệ của đơn vị đó, nhưng không được lạm dụng quyền chi phối làm tổn hại đến lợi ích của các đơn vị thành viên, chủ nợ, cổ đông, thành viên góp vốn khác và các bên có liên quan.

2. Trường hợp thực hiện các hoạt động sau đây đối với đơn vị thành viên là công ty thành viên hạch toán độc lập, công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên, công ty có cổ phần, vốn góp chi phối mà không có sự thỏa thuận với đơn vị thành viên và gây thiệt hại cho đơn vị thành viên đó và các bên liên quan thì Tổng công ty phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho đơn vị đó và các bên liên quan:

a) Buộc đơn vị thành viên phải ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế không bình đẳng và bất lợi đối với các đơn vị này.

b) Điều chuyển vốn, tài sản của công ty thành viên hạch toán độc lập, công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên gây thiệt hại cho công ty bị điều chuyển, trừ các trường hợp: điều chuyển theo phương thức thanh toán; quyết định tổ chức lại công ty; thực hiện mục tiêu cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

c) Điều chuyển một số hoạt động kinh doanh có hiệu quả, có lãi từ đơn vị thành viên này sang đơn vị thành viên khác không có sự thỏa thuận với đơn vị thành

viên bị điều chuyển, dẫn đến đơn vị thành viên bị điều chuyển bị lỗ hoặc lợi nhuận bị giảm sút nghiêm trọng.

d) Quyết định các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đối với các đơn vị thành viên trái với điều lệ và pháp luật; giao nhiệm vụ cho đơn vị thành viên không dựa trên cơ sở ký kết hợp đồng kinh tế với các đơn vị này.

đ) Buộc đơn vị thành viên cho Tổng công ty, đơn vị thành viên khác vay vốn với lãi suất thấp với điều kiện vay và thanh toán không hợp lý hoặc phải cung cấp các khoản tiền vay để Tổng công ty, đơn vị thành viên khác thực hiện các hợp đồng kinh tế có nhiều rủi ro đối với hoạt động kinh doanh của các đơn vị đó.

Chương III

ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TỔNG CÔNG TY

Điều 13. Quyền của Đại diện chủ sở hữu

1. Đại diện chủ sở hữu có các quyền sau đây trong lĩnh vực tổ chức, quản lý của Tổng công ty:

[Căn cứ Chương VI Luật Doanh nghiệp nhà nước, Nghị định 153/2004/NĐ-CP và quy định của Chính phủ về thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty nhà nước và đặc điểm của Tổng công ty để cụ thể hóa].

2. Đại diện chủ sở hữu có các quyền sau đây trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, đầu tư và tài chính của Tổng công ty:

a) Trình Chính phủ các dự án đầu tư của Tổng công ty thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ hoặc Quốc hội do pháp luật quy định;

b) Quyết định các dự án đầu tư, phương án sử dụng vốn, tài sản của Tổng công ty để góp vốn, mua cổ phần của các công ty khác có giá trị lớn hơn... % [ghi mức tối đa Đại diện chủ sở hữu phân cấp cho Hội đồng quản trị quyết định mà từ mức này trở lên do Đại diện chủ sở hữu quyết định] tổng giá trị tài sản còn lại được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty hoặc lớn hơn... triệu đồng [ghi số lượng tuyệt đối triệu đồng tương đương với tỷ lệ % nêu trên] theo đề nghị của Hội đồng quản trị [có thể ghi cả 2 tiêu chí tỷ lệ % và số tuyệt đối (triệu đồng) hoặc chỉ ghi 1 trong 2 tiêu chí; trường hợp ghi số tuyệt đối (triệu đồng) thì không được trái với mức quy định tại khoản 3 Điều 30 Luật Doanh nghiệp nhà nước];

c) Quyết định chủ trương bán tài sản có giá trị lớn hơn... % [ghi mức tối đa Đại diện chủ sở hữu phân cấp cho Hội đồng quản trị quyết định mà từ mức này trở lên do Đại diện chủ sở hữu quyết định] tổng giá trị tài sản còn lại được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty hoặc lớn hơn... triệu đồng [ghi số

lượng tuyệt đối triệu đồng tương đương với tỷ lệ % nêu trên] theo đề nghị của Hội đồng quản trị [có thể ghi cả 2 tiêu chí tỷ lệ % và số tuyệt đối (triệu đồng) hoặc chỉ ghi 1 trong 2 tiêu chí; trường hợp ghi số tuyệt đối (triệu đồng) thì không được trái với mức quy định tại khoản 3 Điều 30 Luật Doanh nghiệp nhà nước];

d) Phê duyệt các phương án và dự án sau đây do Hội đồng quản trị đệ trình:

- Phương án sử dụng vốn, tài sản của Tổng công ty để góp vốn liên doanh với chủ đầu tư nước ngoài;

- Dự án đầu tư ra nước ngoài của Tổng công ty;

- Phương án mua công ty thuộc thành phần kinh tế khác.

đ) Phối hợp với Bộ Tài chính để:

- Xác định mức vốn điều lệ ban đầu;

- Phê duyệt việc tăng, giảm vốn điều lệ của Tổng công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị;

- Phê duyệt Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty, trong đó có cơ chế phân phối lợi nhuận của Tổng công ty.

3. Đại diện chủ sở hữu có các quyền sau trong kiểm tra, giám sát Tổng công ty:

a) Giao và kiểm tra việc thực hiện chỉ tiêu hàng năm về tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu;

b) Được Tổng công ty báo cáo thường

xuyên, kịp thời, chính xác các thông tin về hoạt động kinh doanh, tài chính của Tổng công ty theo quy định tại Chương VIII của Điều lệ này; được thông báo kế hoạch kinh doanh, dự toán tài chính liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và các thông tin về hoạt động kinh doanh, tài chính của toàn bộ Tổng công ty;

c) Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá: kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty; thực hiện Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty, trong đó có cơ chế phân phối lợi nhuận của Tổng công ty; chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu đầu tư. Quy trình, thủ tục kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty theo quy định của pháp luật;

d) Phê duyệt việc chỉ định kiểm toán bên ngoài trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát hoặc yêu cầu chỉ định kiểm toán độc lập theo lựa chọn của riêng mình.

4. Trước khi quyết định hoặc phê duyệt theo thẩm quyền, Đại diện chủ sở hữu có thể yêu cầu Hội đồng quản trị hoặc đại diện được ủy quyền của Hội đồng quản trị báo cáo hoặc cung cấp thông tin liên quan đến vấn đề được quyết định hoặc phê duyệt.

Điều 14. Nghĩa vụ của Đại diện chủ sở hữu đối với Tổng công ty

1. Tuân thủ Điều lệ của Tổng công ty;

2. Bảo đảm quyền tự chủ kinh doanh, tự chịu trách nhiệm của Tổng công ty; không trực tiếp can thiệp vào hoạt động kinh doanh của Tổng công ty, các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và bộ máy quản lý của Tổng công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại diện chủ sở hữu quy định tại Điều 13 của Điều lệ này;

3. Trong quá trình hoạt động của Tổng công ty, nếu vốn chủ sở hữu thực tế thấp hơn mức vốn điều lệ đã được phê duyệt thì Đại diện chủ sở hữu phải có trách nhiệm đầu tư đủ vốn điều lệ cho Tổng công ty;

4. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của Tổng công ty;

5. Tuân theo các quy định của pháp luật về hợp đồng trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê và cho thuê giữa Tổng công ty và Đại diện chủ sở hữu;

6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Quan hệ của Tổng công ty với Chính phủ và Bộ Tài chính

... [Cụ thể hóa Điều 65 và Điều 67 Luật Doanh nghiệp nhà nước theo đặc điểm của từng Tổng công ty].

*Chương IV***TỔ CHỨC QUẢN LÝ TỔNG
CÔNG TY****Điều 16.** Cơ cấu tổ chức quản lý**1. Tổng công ty có cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành gồm:**

- a) Hội đồng quản trị;
- b) Ban Kiểm soát;
- c) Tổng Giám đốc;
- d) Các Phó Tổng Giám đốc;
- đ) Kế toán trưởng;
- e) Bộ máy giúp việc.

2. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành của Tổng công ty có thể thay đổi để phù hợp với yêu cầu kinh doanh trong quá trình hoạt động. Tổng công ty phải tiến hành sửa đổi, bổ sung Điều lệ khi thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành quy định tại khoản 1 Điều này.

Mục I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**Điều 17.** Chức năng và cơ cấu của HĐQT

1. Địa vị pháp lý, chức năng của Hội đồng quản trị [căn cứ Điều 29 của Luật Doanh nghiệp nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành và các quy định khác có liên quan để cụ thể hóa].

2. Hội đồng quản trị có... [ghi tổng số thành viên hoặc ghi số lượng tối đa và tối thiểu] thành viên, gồm Chủ tịch và

các thành viên khác. Hội đồng quản trị có thành viên chuyên trách và thành viên không chuyên trách. Chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị được bầu là Trưởng Ban Kiểm soát phải là thành viên chuyên trách.

3. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị do người quyết định thành lập Tổng công ty quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc thay thế, khen thưởng, kỷ luật. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là... [ghi số năm nhưng không được vượt quá 5 năm]. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị có thể được bổ nhiệm lại.

Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị

1. Nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác do chủ sở hữu đầu tư cho Tổng công ty.

2. Quyết định chiến lược, kế hoạch dài hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm, ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị thành viên do Tổng công ty sở hữu toàn bộ vốn điều lệ.

3. Quyết định các dự án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần của công ty khác, bán tài sản của Tổng công ty có giá trị từ... % [mức tỷ lệ % mà dưới mức đó Hội đồng quản trị quyết định phân cấp cho Tổng Giám đốc; trường hợp Hội đồng quản trị không quyết định phân cấp cho Tổng Giám đốc thì không ghi giá trị dưới này] đến... % [mức tỷ lệ % mà trên mức đó do

chủ sở hữu quyết định, nhưng Hội đồng quản trị không quyết định vượt quá 50%] tổng giá trị tài sản còn lại được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty [hoặc Điều lệ phân cấp cho Hội đồng quản trị theo giá trị tuyệt đối là triệu đồng; hoặc chia theo loại dự án và áp dụng cách phân cấp theo % tổng giá trị tài sản hoặc phân cấp theo giá trị tuyệt đối].

4. Quyết định các hợp đồng vay, cho vay, thuê, cho thuê và hợp đồng kinh tế khác có giá trị trên mức vốn điều lệ của Tổng công ty.

5. Quyết định phương án tổ chức quản lý, tổ chức kinh doanh, biên chế và sử dụng bộ máy quản lý, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quy hoạch, đào tạo lao động, lập chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc.

6. Tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng hoặc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức và quyết định mức lương đối với Tổng giám đốc sau khi được sự chấp thuận của người quyết định thành lập Tổng công ty; tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng hoặc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức và quyết định mức lương đối với Phó tổng giám đốc và kế toán trưởng theo đề nghị của Tổng giám đốc.

7. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của toàn Tổng công ty và các đơn vị do Tổng công ty sở hữu toàn bộ vốn điều lệ.

8. Thông qua phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế hoặc xử lý các khoản lỗ trong quá trình kinh doanh do Tổng giám đốc đề nghị trên cơ sở Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty.

9. Tổ chức kiểm tra, giám sát Tổng giám đốc Tổng công ty, Giám đốc các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc, đơn vị sự nghiệp và công ty thành viên hạch toán độc lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp nhà nước và Điều lệ này.

10. Tổ chức kiểm tra, giám sát Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty, Giám đốc đơn vị thành viên là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Tổng công ty ở doanh nghiệp khác trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ do đại diện chủ sở hữu giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp nhà nước và Điều lệ này, phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, doanh nghiệp có phần vốn góp của Tổng công ty.

11. Quyết định việc đầu tư vào các đơn vị thành viên; sử dụng vốn của Tổng công ty để đầu tư thành lập đơn vị thành viên là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và mua cổ phần, góp vốn vào doanh nghiệp khác nhưng không vượt quá mức vốn đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị quy định tại khoản 3 Điều này. Quyết định phương án phối hợp kinh doanh của Tổng công ty với các đơn vị

thành viên; điều chỉnh vốn, các nguồn lực khác do Tổng công ty đầu tư giữa các đơn vị thành viên theo Điều lệ của các đơn vị đó.

12. Quyết định tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia làm thành viên liên kết của Tổng công ty.

13. Thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với các đơn vị thành viên là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên quy định tại Điều 39 của Điều lệ này.

14. Thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ của chủ sở hữu cổ phần, vốn góp ở các đơn vị thành viên có cổ phần, vốn góp của Tổng công ty theo quy định tại Điều 40, 41 và 42 của Điều lệ này.

15. Kiến nghị Đại diện chủ sở hữu quyết định những vấn đề đối với Tổng công ty thuộc thẩm quyền quyết định của Đại diện chủ sở hữu quy định tại Điều 13 của Điều lệ này.

16. [Các quyền và nghĩa vụ khác theo điều kiện cụ thể của công ty].

Điều 19. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. [Căn cứ vào Điều 31 của Luật Doanh nghiệp nhà nước và các Văn bản hướng dẫn thi hành luật để cụ thể hóa].

2. [Tiêu chuẩn khác theo điều kiện cụ thể của Tổng công ty].

Điều 20. Miễn nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong trường hợp vi phạm các quy định sau: [cụ thể hóa khoản 3 Điều 32 Luật Doanh nghiệp nhà nước].

2. Thành viên Hội đồng quản trị được thay thế, bổ sung trong những trường hợp sau đây:

a) Bị miễn nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tự nguyện xin từ chức;

c) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;

d) [Các trường hợp khác do Tổng công ty quy định không trái với quy định của pháp luật].

3. Trường hợp Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị bị thay thế thì trong thời hạn 60 ngày Hội đồng quản trị phải họp để đề nghị người quyết định thành lập Tổng công ty xem xét quyết định việc tuyển chọn, bổ nhiệm người thay thế.

Điều 21. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm chức vụ Tổng giám đốc.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

a) [Căn cứ vào các điểm a, c, d, đ, e

khoản 2 Điều 33 của Luật Doanh nghiệp nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành để cụ thể hóa];

b) Tổ chức nghiên cứu chiến lược phát triển; kế hoạch dài hạn; dự án đầu tư có quy mô thuộc quyền quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị trình Đại diện chủ sở hữu quyết định; phương án đổi mới tổ chức, nhân sự chủ chốt của Công ty để trình Hội đồng quản trị;

c) [Điều lệ Tổng công ty quy định thêm các quyền khác theo phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị hoặc người quyết định thành lập Tổng công ty].

Điều 22. Chế độ làm việc của Hội đồng quản trị

1. Chế độ làm việc của Hội đồng quản trị [căn cứ Điều 34 của Luật Doanh nghiệp nhà nước để cụ thể hóa chế độ làm việc của Hội đồng quản trị, trong đó có thể ghi rõ số lần họp, quy định thêm các trường hợp họp bất thường khác nhưng không trái với Luật Doanh nghiệp nhà nước].

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền triệu tập và chủ trì cuộc họp của Hội đồng quản trị. Nội dung và các tài liệu cuộc họp phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị và các đại biểu được mời dự họp (nếu có) trước ngày họp ít nhất... [số ngày do Công ty quy định không trái với quy định của pháp luật] ngày.

3. Các cuộc họp hoặc lấy ý kiến các thành viên của Hội đồng quản trị họp lệ khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị tham dự. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có hiệu lực khi có trên 50% tổng số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành; trường hợp có số phiếu ngang nhau thì bên có phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản trị là quyết định. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền bảo lưu ý kiến của mình.

Khi bàn về nội dung công việc của Tổng công ty có liên quan đến các vấn đề quan trọng của địa phương nào thì Hội đồng quản trị phải mời đại diện của cấp chính quyền địa phương có liên quan dự họp; trường hợp có liên quan tới quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động trong Tổng công ty phải mời đại diện Công đoàn Tổng công ty dự họp. Đại diện các cơ quan, tổ chức được mời dự họp có quyền phát biểu ý kiến nhưng không tham gia biểu quyết.

4. Nội dung các vấn đề thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết quả biểu quyết, các quyết định được Hội đồng quản trị thông qua và kết luận của các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi thành biên bản. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính trung thực của biên bản họp Hội đồng quản trị. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có tính bắt buộc thi hành đối với toàn bộ Tổng công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có

quyền yêu cầu Tổng giám đốc, kế toán trưởng, cán bộ quản lý trong Tổng công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của Tổng công ty theo quy chế thông tin do Hội đồng quản trị quy định hoặc theo nghị quyết của Hội đồng quản trị. Người được yêu cầu cung cấp thông tin phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị, trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định khác.

6. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, kể cả tiền lương, phụ cấp và thù lao, được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp của Tổng công ty.

Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị được quyền tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia tư vấn trong và ngoài Tổng công ty trước khi quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn được quy định tại Quy chế tài chính của Tổng công ty.

Điều 23. Chế độ lương, phụ cấp, thưởng của thành viên chuyên trách và thành viên không chuyên trách của Hội đồng quản trị

1. Các thành viên chuyên trách của Hội đồng quản trị hưởng lương và thưởng tại Tổng công ty. Chế độ tiền lương và tiền thưởng tính theo năm. Tiền lương được tạm ứng hàng tháng, quyết toán hàng năm. Tiền thưởng hàng năm được chi trả một phần vào cuối năm, phần còn lại được chi trả sau khi kết thúc

nhiệm kỳ; riêng tiền thưởng năm cuối nhiệm kỳ được tính dựa trên kết quả năm đó và kết quả tăng trưởng của cả nhiệm kỳ.

Mức tiền lương và tiền thưởng tính dựa vào kết quả kinh doanh năm của Tổng công ty, tương ứng với hiệu quả hoạt động của Tổng công ty, do người quyết định bổ nhiệm quyết định.

2. Các thành viên không chuyên trách của Hội đồng quản trị hưởng phụ cấp trách nhiệm và chế độ tiền thưởng theo cơ chế như đối với các thành viên chuyên trách.

Mục II. BAN KIỂM SOÁT

Điều 24. Ban Kiểm soát

1. Địa vị pháp lý, chức năng của Ban Kiểm soát [căn cứ Điều 37 của Luật Doanh nghiệp nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành để cụ thể hóa].

2. Ban Kiểm soát có... [ghi số lượng cụ thể] thành viên do Hội đồng quản trị cử, gồm: một thành viên Hội đồng quản trị là Trưởng Ban Kiểm soát; một đại diện tổ chức công đoàn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này; các thành viên khác do Hội đồng quản trị quyết định. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc không được kiêm Trưởng Ban Kiểm soát.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện người được cử làm thành viên Ban Kiểm soát:

- a) Thường trú tại Việt Nam;
- b) Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;
- c) Có trình độ về nghiệp vụ kinh tế, tài chính - kế toán, kiểm toán hoặc chuyên môn nghiệp vụ;

d) Không được là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, thủ quỹ tại Tổng công ty và đơn vị thành viên; không có vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, kế toán trưởng, thủ quỹ tại Tổng công ty và đơn vị thành viên;

đ) Thành viên chuyên trách của Ban Kiểm soát không đồng thời đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo trong bộ máy nhà nước.

4. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bổ nhiệm lại.

5. Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ do Hội đồng quản trị giao, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Ban Kiểm soát được hưởng tiền lương, tiền thưởng do Hội đồng quản trị quyết định theo quy định của pháp luật về chế độ lương, thưởng và quy định của Luật Doanh nghiệp nhà nước.

7. Hội đồng quản trị ban hành quy chế cụ thể về hoạt động của Ban Kiểm soát.

Mục III. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 25. Chức năng của Tổng giám đốc

Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật, điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, phù hợp với Điều lệ Tổng công ty; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Điều 26. Tuyển chọn, bổ nhiệm, ký hợp đồng với Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị tuyển chọn, bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng, sau khi được Đại diện chủ sở hữu chấp thuận.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là... [ghi số lượng cụ thể] năm. Hội đồng quản trị quyết định việc bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng với Tổng giám đốc.

3. Người được tuyển chọn làm Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a) Có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý Tổng công ty; có trình độ đại học trở lên; có chuyên môn và ít nhất ba năm kinh nghiệm tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành nghề

kinh doanh... [ghi ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty];

b) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật; thường trú tại Việt Nam.

[có thể ghi bổ sung và chi tiết các tiêu chuẩn khác của Tổng giám đốc không trái với các Điều 39, 40, 42 và 43 của Luật Doanh nghiệp nhà nước và các quy định khác có liên quan]

4. Những đối tượng sau đây không được tuyển chọn để bổ nhiệm, ký hợp đồng làm Tổng Giám đốc:

a) Những người đã từng làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty nhà nước nhưng đã bị cách chức, miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn theo điểm a khoản 2 Điều 24, khoản 3 Điều 25 Luật Doanh nghiệp nhà nước [hoặc ghi cụ thể các quy định tại điểm a khoản 2 Điều 24, khoản 3 Điều 25 Luật Doanh nghiệp nhà nước];

b) Thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Thay thế, miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng với Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị quyết định việc miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn với Tổng giám đốc sau khi được Đại diện chủ sở hữu chấp thuận trên cơ sở các quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn trong các trường hợp sau:

a) Để Tổng công ty lỗ hai năm liên tiếp hoặc không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu do Đại diện chủ sở hữu giao trong hai năm liên tiếp hoặc ở trong tình trạng lỗ, lãi đan xen nhau nhưng không khắc phục được, trừ các trường hợp:

- Lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu vì các lý do bất khả kháng [có thể ghi cụ thể các trường hợp bất khả kháng mà Đại diện chủ sở hữu thấy không thể khắc phục được, phụ thuộc vào đặc điểm doanh nghiệp, ngành nghề...] đã được giải trình và đã được Đại diện chủ sở hữu phê duyệt.

- Lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu do đầu tư, mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ [có thể ghi cụ thể quy mô, mức độ đầu tư, mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ mà trên mức đó sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu] theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

b) Tổng công ty lâm vào tình trạng phá sản nhưng không nộp đơn yêu cầu phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.

c) Không hoàn thành các nhiệm vụ hoặc chỉ tiêu [có thể ghi cụ thể các chỉ tiêu, nhưng chỉ ghi các chỉ tiêu có ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động hoặc kết

quả hoạt động của doanh nghiệp] do Hội đồng quản trị giao hoặc không hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký với Hội đồng quản trị.

d) Không trung thực trong thực thi các quyền hạn hoặc lạm dụng địa vị quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính của Tổng công ty.

đ) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.

e) Bị tòa án kết án bằng bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật.

g) Vi phạm nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Tổng công ty.

h) [Điều lệ Tổng công ty quy định cụ thể các trường hợp khác]

3. Tổng giám đốc được thay thế trong các trường hợp sau:

a) Tự nguyện xin từ chức hoặc chấm dứt hợp đồng;

b) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;

c) [Điều lệ Tổng công ty quy định cụ thể các trường hợp khác].

Điều 28. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Xây dựng kế hoạch hàng năm của Tổng công ty, phương án huy động vốn, dự án đầu tư, phương án liên doanh, đề án tổ chức quản lý, quy chế quản lý nội

bộ của Tổng công ty, quy hoạch đào tạo lao động, phương án phối hợp kinh doanh giữa các đơn vị thành viên hoặc với các doanh nghiệp khác trình Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Quyết định các dự án đầu tư, bán tài sản của Tổng công ty có giá trị đến... % [ghi mức tỷ lệ % được Hội đồng quản trị phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định] tổng giá trị tài sản còn lại được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty hoặc đến... triệu đồng [ghi số lượng tuyệt đối là triệu đồng tương đương với mức tỷ lệ % được Hội đồng quản trị phân cấp] [có thể ghi cả 2 tiêu chí tỷ lệ % và số tuyệt đối (triệu đồng) hoặc chỉ ghi 1 trong 2 tiêu chí; trường hợp ghi số tuyệt đối (triệu đồng) thì không được trái với mức quy định tại điểm b khoản 2 Điều 30, khoản 4 Điều 41 Luật Doanh nghiệp nhà nước].

3. Quyết định các hợp đồng vay, cho vay, thuê, cho thuê và hợp đồng kinh tế khác có giá trị không vượt quá mức vốn điều lệ của Tổng công ty hoặc đến... [ghi số lượng tuyệt đối tương đương mức vốn điều lệ] triệu đồng [có thể ghi cả 2 tiêu chí là không vượt quá mức vốn điều lệ và tương đương với mức là... triệu đồng hoặc chỉ ghi 1 trong 2 tiêu chí; trường hợp ghi số tuyệt đối (triệu đồng) thì không được trái với mức quy định tại điểm b khoản 2 Điều 30, khoản 4 Điều 41 Luật Doanh nghiệp nhà nước].

4. Quyết định phương án sử dụng vốn, tài sản của Tổng công ty để góp vốn, mua

cổ phần của các công ty trong nước có giá trị đến... % [ghi mức tỷ lệ % được Hội đồng quản trị phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định nhưng không quá 50%] tổng giá trị tài sản còn lại được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty hoặc đến... triệu đồng [ghi số lượng tuyệt đối là triệu đồng tương đương với mức tỷ lệ % được Hội đồng quản trị phân cấp] [có thể ghi cả 2 tiêu chí tỷ lệ % và số tuyệt đối (triệu đồng) hoặc chỉ ghi 1 trong 2 tiêu chí; trường hợp ghi số tuyệt đối (triệu đồng) thì không được trái với mức quy định tại điểm b khoản 2 Điều 30 Luật Doanh nghiệp nhà nước].

5. Quyết định tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng hoặc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và phụ cấp đối với:

a) Giám đốc đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc, đơn vị sự nghiệp, công ty thành viên hạch toán độc lập sau khi có sự phê duyệt của Hội đồng quản trị; Phó giám đốc đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc, đơn vị sự nghiệp, công ty thành viên hạch toán độc lập theo đề nghị của Giám đốc đơn vị đó;

b) Các chức danh: Trưởng, phó phòng (ban) Tổng công ty; Phó giám đốc công ty thành viên và đơn vị sự nghiệp của Tổng công ty theo đề nghị của Giám đốc công ty thành viên và đơn vị sự nghiệp; Các chức danh khác theo phân cấp của Hội đồng quản trị [ghi rõ các chức danh theo phân cấp của Hội đồng quản trị].

6. Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương của Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng Tổng công ty; Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định cử người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty ở doanh nghiệp khác.

7. Xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn sản phẩm, đơn giá tiền lương phù hợp với các quy định của Nhà nước trình Hội đồng quản trị phê duyệt; kiểm tra việc thực hiện các định mức, tiêu chuẩn, đơn giá quy định trong nội bộ Tổng công ty.

8. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư; quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; điều hành hoạt động của Tổng công ty nhằm thực hiện các nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị.

9. Ký kết các hợp đồng dân sự, kinh tế của Tổng công ty. Đối với các hợp đồng có giá trị trên mức phân cấp cho Tổng giám đốc quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều này, thì Tổng giám đốc chỉ được ký kết sau khi có nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng quản trị.

10. Báo cáo trước Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty; thực hiện việc công bố công khai các báo cáo tài chính theo quy định của Chính phủ.

11. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp nhà nước và các quy định khác của pháp luật.

12. Được áp dụng các biện pháp cần thiết trong trường hợp khẩn cấp và phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

13. Được hưởng chế độ lương theo năm. Mức tiền lương và tiền thưởng tương ứng với hiệu quả kinh doanh của Tổng công ty do Hội đồng quản trị quyết định hoặc theo hợp đồng đã ký (đối với trường hợp Tổng giám đốc được ký hợp đồng).

Chế độ thanh toán, quyết toán tiền lương, tiền thưởng được thực hiện như đối với các thành viên chuyên trách của Hội đồng quản trị.

14. [Các quyền và nghĩa vụ khác theo điều kiện cụ thể của Tổng công ty].

Mục IV. NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM VÀ QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 29. Quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành

1. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Tổng công ty thì Tổng giám đốc báo cáo với Hội đồng quản trị để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Hội đồng quản trị phải xem xét đề nghị của Tổng giám đốc. Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Đại diện chủ sở hữu.

2. Trong thời hạn... ngày [Điều lệ quy định cụ thể thời hạn], kể từ ngày kết thúc tháng, quý và năm, Tổng giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh và phương hướng thực hiện trong kỳ tới [Điều lệ quy định cụ thể nội dung báo cáo, loại văn bản, hình thức của báo cáo] của Tổng công ty cho Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị tham dự hoặc cử đại diện của Hội đồng quản trị tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các đề án trình Hội đồng quản trị do Tổng giám đốc chủ trì. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người đại diện Hội đồng quản trị dự họp có quyền phát biểu đóng góp ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp. Tổng giám đốc không là thành viên Hội đồng quản trị được mời tham dự cuộc họp của Hội đồng quản trị, được quyền phát biểu nhưng không có quyền biểu quyết.

Điều 30. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng công ty, về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị phải cùng chịu trách nhiệm [Điều lệ có thể quy định cụ thể cơ chế trách nhiệm của từng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong chế độ cùng chịu trách nhiệm] trước người quyết định thành lập công ty và trước pháp luật về các quyết định của Hội đồng quản trị, kết quả và hiệu quả hoạt động của Tổng công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có nghĩa vụ:

a) Thực hiện trung thực, có trách nhiệm các quyền hạn và nhiệm vụ được giao vì lợi ích của Tổng công ty và của Nhà nước;

b) Không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng vốn và tài sản của Tổng công ty thu lợi riêng cho bản thân và người khác; không được đem tài sản của Tổng công ty cho người khác; không được tiết lộ bí mật của Tổng công ty trong thời gian đang thực hiện chức trách là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng

giám đốc và trong thời hạn tối thiểu là... [ghi số lượng cụ thể] năm sau khi thôi làm thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc, trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận;

c) Không được để vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của mình giữ chức danh kế toán trưởng, thủ quỹ tại cùng Tổng công ty; hoặc nếu để vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của mình giữ chức danh kế toán trưởng, thủ quỹ tại cùng Tổng công ty, thì phải thôi giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty. Phải thông báo cho người bổ nhiệm, người ký hợp đồng thuê Tổng giám đốc về các hợp đồng kinh tế, lao động, dân sự của công ty ký kết với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, với vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; trường hợp phát hiện hợp đồng có mục đích tư lợi mà hợp đồng chưa được ký kết thì có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc không được ký kết hợp đồng đó; nếu hợp đồng đã được ký kết thì bị coi là vô hiệu, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc phải bồi thường thiệt hại cho Tổng công ty và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

d) Khi Tổng công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, thì: Tổng giám

đốc phải báo cáo Hội đồng quản trị, tìm biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính và thông báo tình hình tài chính của Tổng công ty cho tất cả chủ nợ biết; Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc không được quyết định tăng tiền lương, không được trích lợi nhuận trả tiền thưởng cho cán bộ quản lý và người lao động [Điều lệ có thể có các quy định bổ sung thêm để cụ thể hóa hoặc chi tiết hóa các biện pháp khắc phục].

đ) Khi Tổng công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả mà không thực hiện các quy định tại điểm d khoản này thì phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ; [Điều lệ có thể có các quy định chi tiết hóa các trách nhiệm cá nhân của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc]

e) Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc vi phạm Điều lệ, quyết định vượt thẩm quyền, lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Tổng công ty và Nhà nước thì phải bồi thường thiệt hại [Điều lệ quy định chi tiết trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc - căn cứ vào các quy định của pháp luật để quy định trong Điều lệ].

4. Khi vi phạm một trong các trường hợp sau đây nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc không được thưởng, không được nâng lương và bị xử lý kỷ luật tùy theo mức độ vi phạm:

a) Để Tổng công ty lỗ;

b) Để mất vốn chủ sở hữu;

c) Quyết định dự án đầu tư không hiệu quả, không thu hồi được vốn đầu tư, không trả được nợ;

d) Không bảo đảm tiền lương và các chế độ khác cho người lao động ở Tổng công ty theo quy định của pháp luật về lao động;

đ) Để xảy ra các sai phạm về quản lý vốn, tài sản, về chế độ kế toán, kiểm toán và các chế độ khác do Nhà nước quy định.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị thiếu trách nhiệm, không thực hiện đúng các quy định tại Điều 21 của Điều lệ này mà dẫn đến một trong các vi phạm tại khoản 4 của Điều này thì bị miễn nhiệm; tùy theo mức độ vi phạm và hậu quả phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

6. Tùy theo mức độ vi phạm và hậu quả trong các trường hợp dưới đây thì Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc bị hạ lương hoặc bị cách chức, đồng

thời phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật [Điều lệ quy định chi tiết trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc - căn cứ vào các quy định của pháp luật để quy định trong Điều lệ]: Để Tổng công ty lỗ hai năm liên tiếp hoặc không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư hai năm liên tiếp hoặc ở trong tình trạng lỗ lãi đan xen nhau nhưng không khắc phục được, trừ các trường hợp lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư có lý do khách quan được giải trình và đã được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận; đầu tư mới mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ.

7. Trường hợp Tổng công ty lâm vào tình trạng phá sản mà Tổng giám đốc không nộp đơn yêu cầu phá sản thì bị miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; nếu Tổng giám đốc không nộp đơn mà Hội đồng quản trị không yêu cầu Tổng giám đốc nộp đơn yêu cầu phá sản thì Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc bị miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng.

8. Trường hợp Tổng công ty thuộc diện tổ chức lại [có thể ghi cụ thể các hình thức tổ chức lại theo Điều 73 Luật Doanh

nh nghiệp nhà nước năm 2003], giải thể hoặc chuyển đổi sở hữu mà không tiến hành các thủ tục tổ chức lại, giải thể hoặc chuyển đổi sở hữu [có thể ghi cụ thể các hình thức chuyển đổi sở hữu theo Điều 80 Luật Doanh nghiệp nhà nước năm 2003] thì Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc bị miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng.

Mục V. PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG, BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 31. Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng

1. Tổng công ty có... [ghi số lượng cụ thể] Phó tổng giám đốc và kế toán trưởng. Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng do Hội đồng quản trị tuyển chọn bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng [Điều lệ có thể quy định cụ thể một trong hai hình thức là bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng] theo đề nghị của Tổng giám đốc.

2. Các Phó tổng giám đốc giúp Tổng giám đốc điều hành Tổng công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền. Việc ủy quyền có liên quan đến việc ký kết hợp đồng

kinh tế hoặc liên quan tới việc sử dụng con dấu của Tổng công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

3. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán của Tổng công ty; giúp Tổng giám đốc giám sát tài chính tại Tổng công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

4. Thời hạn bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng không quá... [ghi số năm cụ thể] năm. Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng.

Điều 32. Bộ máy giúp việc

1. Các phòng (ban) chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành công việc, bao gồm:

- a) Văn phòng;
- b) Phòng (Ban) Tài chính kế toán;
- c) Phòng (Ban), v.v.

[Điều lệ cụ thể của Tổng công ty ghi chi tiết các phòng (ban) giúp việc Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc]

d) Bộ phận thường trực gồm... người [ghi cụ thể số lượng người, nhưng không

quá 5 người] để tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, thực hiện nhiệm vụ do Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty phân công.

2. Nhiệm vụ cụ thể của các phòng (ban) chuyên môn, nghiệp vụ được quy định tại quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty do Tổng giám đốc xây dựng trình Hội đồng quản trị phê duyệt, Chủ tịch Hội đồng quản trị ký quyết định ban hành.

3. Trong quá trình hoạt động, Tổng giám đốc có quyền đề nghị Hội đồng quản trị thay đổi cơ cấu, biên chế, số lượng và chức năng, nhiệm vụ của các phòng (ban) chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhu cầu hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và quy định pháp luật. Hội đồng quản trị xem xét, quyết định việc thay đổi do Tổng giám đốc đề nghị.

Mục VI. NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA QUẢN LÝ TỔNG CÔNG TY

Điều 33. Hình thức tham gia quản lý Tổng công ty của người lao động

Người lao động tham gia quản lý Tổng công ty thông qua các hình thức và tổ chức sau đây:

- 1. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu công nhân viên chức Tổng công ty;
- 2. Tổ chức Công đoàn Tổng công ty;
- 3. Ban Thanh tra nhân dân;

4. Thực hiện quyền kiến nghị, khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Nội dung tham gia quản lý của người lao động

Người lao động có quyền tham gia thảo luận, góp ý kiến trước khi cấp có thẩm quyền quyết định các vấn đề sau đây:

1. Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch, biện pháp phát triển sản xuất, kinh doanh, sắp xếp lại sản xuất Tổng công ty;

2. Phương án cổ phần hóa, đa dạng hóa sở hữu Tổng công ty;

3. Các nội quy, quy chế của Tổng công ty liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động;

4. Các biện pháp bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần, vệ sinh môi trường, đào tạo và đào tạo lại người lao động của Tổng công ty;

5. Bỏ phiếu thăm dò tín nhiệm đối với các chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, kế toán trưởng khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu;

6. Thông qua đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu công nhân

viên chức và tổ chức công đoàn, người lao động có quyền thảo luận và biểu quyết quyết định các vấn đề sau đây:

a) Nội dung hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung thỏa ước lao động tập thể để đại diện tập thể người lao động ký kết với Tổng giám đốc hoặc Giám đốc;

b) Quy chế sử dụng các quỹ phúc lợi, khen thưởng và các chỉ tiêu kế hoạch của Tổng công ty có liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động phù hợp với quy định của Nhà nước;

c) Đánh giá kết quả hoạt động và chương trình hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân;

d) Bầu Ban Thanh tra nhân dân.

Chương V

QUAN HỆ CỦA TỔNG CÔNG TY VỚI ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN VÀ VỚI DOANH NGHIỆP CÓ MỘT PHẦN VỐN GÓP CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 35. Các đơn vị thành viên của Tổng công ty

Tổng công ty có các đơn vị thành viên do Tổng công ty đầu tư toàn bộ vốn điều lệ và các doanh nghiệp có vốn góp chi phối của Tổng công ty.

Danh sách các đơn vị thành viên tại

thời điểm phê duyệt điều lệ ghi tại Phụ lục... [ghi tên hoặc số phụ lục] của Điều lệ này.

Mục I. ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP

Điều 36. Đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và đơn vị sự nghiệp

1. Đơn vị sự nghiệp thực hiện chế độ phân cấp hạch toán do Tổng công ty quy định; được tạo nguồn thu từ việc thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ, nghiên cứu khoa học và đào tạo chuyển giao công nghệ với các đơn vị trong và ngoài Tổng công ty. Đơn vị sự nghiệp hoạt động theo.... [ghi rõ là điều lệ hay quy chế] do Tổng giám đốc xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

2. Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty được ký kết các hợp đồng kinh tế, thực hiện các hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính, tổ chức và nhân sự theo phân cấp của Tổng công ty quy định trong... [Điều lệ cụ thể của Tổng công ty ghi rõ là điều lệ hay quy chế] của đơn vị hạch toán phụ thuộc do Tổng giám đốc xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt. Tổng công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

3. Công ty tài chính của Tổng công ty

[chỉ ghi trong trường hợp Tổng công ty có công ty tài chính; nếu chưa có thì không ghi] tổ chức, hoạt động và quan hệ với Tổng công ty theo Điều lệ hoạt động do Hội đồng quản trị Tổng công ty thông qua và được Thống đốc Ngân hàng nhà nước chuẩn y. Điều lệ hoạt động của Công ty tài chính do Tổng giám đốc xây dựng và trình Hội đồng quản trị căn cứ vào hướng dẫn của Bộ Tài chính, Ngân hàng nhà nước và Điều lệ Tổng công ty.

Mục II. CÔNG TY THÀNH VIÊN HẠCH TOÁN ĐỘC LẬP

Điều 37. Công ty thành viên hạch toán độc lập

Công ty thành viên hạch toán độc lập là đơn vị thành viên của Tổng công ty, có tư cách pháp nhân, có vốn và tài sản riêng, hoạt động theo điều lệ riêng không trái với các quy định của Điều lệ Tổng công ty; thực hiện các quyền và nghĩa vụ của thành viên Tổng công ty theo quy định của Điều lệ này.

Điều 38. Vốn và tài sản của công ty thành viên hạch toán độc lập

1. Vốn của công ty thành viên hạch toán độc lập bao gồm vốn do Tổng công ty đầu tư tại công ty, vốn do công ty tự huy động và các nguồn vốn khác theo quy định pháp luật.

2. Trường hợp doanh nghiệp thành

viên hạch toán độc lập của Tổng công ty thành lập theo Luật Doanh nghiệp nhà nước năm 1995 chuyển sang hình thức công ty thành viên hạch toán độc lập theo Luật Doanh nghiệp nhà nước năm 2003, thì phần vốn nhà nước tại công ty được chuyển thành vốn do Tổng công ty đầu tư tại công ty thành viên hạch toán độc lập. Tổng công ty là chủ sở hữu đối với công ty.

3. Công ty thành viên hạch toán độc lập có các quyền sau đây đối với vốn và tài sản của công ty: Quản lý và chủ động sử dụng số vốn của công ty và vốn của Tổng công ty đầu tư; chiếm hữu, sử dụng vốn, tài sản của công ty để kinh doanh, thực hiện các lợi ích hợp pháp từ vốn và tài sản của công ty; định đoạt đối với vốn, tài sản của công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; sử dụng và quản lý các tài sản được giao, cho thuê là đất đai, tài nguyên theo quy định của pháp luật về đất đai, tài nguyên.

Tổng công ty không điều chuyển vốn của mình đầu tư tại công ty thành viên hạch toán độc lập và vốn, tài sản của công ty thành viên này theo phương thức không thanh toán, trừ trường hợp quyết định tổ chức lại công ty thành viên hạch toán độc lập hoặc điều chuyển để thực hiện mục tiêu cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

4. Khi được Nhà nước yêu cầu, đặt hàng hoặc tham gia đấu thầu thực hiện hoạt động công ích, công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 19 của Luật Doanh nghiệp nhà nước và theo yêu cầu, đặt hàng hoặc hợp đồng giao thầu của Nhà nước.

Điều 39. Quan hệ giữa Công ty thành viên hạch toán độc lập và Tổng công ty

1. Công ty có nghĩa vụ thực hiện kế hoạch kinh doanh chung của Tổng công ty; thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty giao trên cơ sở hợp đồng kinh tế với Tổng công ty; chịu trách nhiệm về hiệu quả các hoạt động kinh doanh phối hợp với Tổng công ty; được tự chủ ký kết các hợp đồng kinh tế và thực hiện các hợp đồng kinh tế do Tổng công ty ký kết và giao lại.

2. Công ty được quyết định các dự án đầu tư tại công ty và đầu tư, góp vốn vào công ty khác theo phân cấp của Tổng công ty [các phân cấp quy định cụ thể trong điều lệ của công ty thành viên hạch toán độc lập do Hội đồng quản trị Tổng công ty phê duyệt].

3. Công ty được tham gia các hình thức đầu tư cùng Tổng công ty hoặc được Tổng công ty giao tổ chức thực hiện các dự án đầu tư theo kế hoạch của Tổng công ty trên cơ sở hợp đồng ký kết với Tổng công ty.

4. Công ty chịu trách nhiệm trước Tổng công ty về hiệu quả sử dụng vốn và các nguồn lực do Tổng công ty đầu tư; bảo toàn và phát triển vốn Tổng công ty đầu tư và vốn do Công ty tự huy động; chịu trách nhiệm trước Tổng công ty về việc sử dụng vốn để đầu tư thành lập doanh nghiệp khác; tự chịu trách nhiệm dân sự bằng toàn bộ tài sản của mình; định kỳ đánh giá lại tài sản của Công ty theo quy định của Chính phủ và Điều lệ này.

5. Tổng công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty thành viên hạch toán độc lập trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty.

6. Có quyền đề nghị Tổng công ty quyết định hoặc được Tổng công ty ủy quyền quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, sáp nhập các đơn vị hạch toán phụ thuộc và quyết định bộ máy quản lý của các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

7. Xây dựng, áp dụng các định mức lao động, vật tư, đơn giá tiền lương và chi phí khác trên cơ sở bảo đảm hiệu quả kinh doanh của công ty, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này.

8. Sau khi hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, chuyển lỗ theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, trích lập quỹ dự

phòng tài chính, phần lợi nhuận còn lại được phân chia theo vốn Tổng công ty đầu tư và vốn của công ty tự huy động. Phần lợi nhuận phân chia theo vốn Tổng công ty đầu tư được dùng để tái đầu tư tăng vốn Tổng công ty tại công ty hoặc hình thành quỹ tập trung của Tổng công ty theo quy định của Chính phủ. Phần lợi nhuận phân chia theo vốn công ty tự huy động được trích một phần vào quỹ đầu tư phát triển của công ty theo tỷ lệ do Chính phủ quy định; phần còn lại do công ty tự quyết định việc phân phối vào quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi.

9. Công ty có nghĩa vụ kinh doanh có lãi, đảm bảo chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn Tổng công ty đầu tư do Tổng công ty giao; đăng ký, kê khai và nộp đủ thuế, thực hiện nghĩa vụ đối với Tổng công ty và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán và báo cáo tài chính, báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của Tổng công ty; chịu sự giám sát, kiểm tra của Tổng công ty; định kỳ báo cáo chính xác, đầy đủ các thông tin về công ty và báo cáo tài chính của công ty với Tổng công ty; tuân thủ các quy định về thanh tra của cơ quan tài chính và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[Điều lệ cụ thể từng Tổng công ty có thể quy định những nội dung khác].

Mục III. CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN KHÁC

Điều 40. Đơn vị thành viên là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, quy định của Chính phủ về chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Hội đồng quản trị Tổng công ty là đại diện chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, thực hiện các quyền và nghĩa vụ sau đây đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên:

a) Quyết định chiến lược phát triển; phê duyệt Điều lệ khi thành lập; quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch công ty;

b) Quyết định điều chỉnh vốn điều lệ theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty;

c) Quyết định chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ công ty cho tổ chức, cá nhân khác. Việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ thực hiện theo quy định của Điều lệ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

d) Quyết định mô hình tổ chức quản lý, cơ cấu quản lý; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, quyết định mức tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của Chủ tịch, ủy viên Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; phân cấp cho Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, quyết định mức tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của Tổng giám đốc công ty đó [cụ thể hóa phân cấp];

đ) Quyết định các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay có giá trị lớn hơn... % [ghi mức tỷ lệ % mà từ mức đó trở xuống Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định phân cấp cho Hội đồng quản trị (Chủ tịch công ty) công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được quyền quyết định các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay theo quy định của Nghị định số 63/2001/NĐ-CP] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

e) Tổ chức giám sát, theo dõi và đánh giá hoạt động kinh doanh, hoạt động quản lý theo điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

g) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm và quyết định phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo đề trình của công ty đó;

h) Quyết định các hình thức và biện pháp tổ chức lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định tại Điều lệ của công ty đó;

i) Các quyền khác quy định tại Điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Điều 41. Đơn vị thành viên là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty liên doanh

1. Doanh nghiệp tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên hoặc công ty liên doanh mà Tổng chiếm trên 50% vốn điều lệ và giữ quyền chi phối, là đơn vị thành viên của Tổng công ty.

Đơn vị thành viên là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên, công ty liên doanh, công ty ở nước ngoài (sau đây gọi chung là doanh nghiệp bị chi phối) thành lập, tổ chức và hoạt động theo pháp luật về loại hình công ty đó.

2. Tổng công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông hoặc thành viên, bên liên doanh, bên góp vốn chi phối tại doanh nghiệp bị chi phối theo quy định của pháp luật và điều lệ của doanh nghiệp đó.

3. Tổng công ty trực tiếp quản lý cổ phần, vốn góp chi phối ở doanh nghiệp bị chi phối thông qua người trực tiếp quản

lý phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp bị chi phối (sau đây gọi là người trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối).

4. Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ chủ yếu sau:

a) Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, quyết định phụ cấp và lợi ích của người trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối;

b) Yêu cầu người trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của doanh nghiệp bị chi phối;

c) Giao nhiệm vụ và yêu cầu người trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối xin ý kiến về những vấn đề quan trọng [những vấn đề quan trọng có thể được ghi cụ thể trong điều lệ Tổng công ty hoặc trong quy chế quản lý vốn góp của Tổng công ty ở doanh nghiệp khác] trước khi biểu quyết tại doanh nghiệp bị chi phối; báo cáo việc sử dụng cổ phần, vốn góp chi phối để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của Tổng công ty;

d) Thu lợi tức và chịu rủi ro từ phần vốn góp của mình ở các doanh nghiệp bị chi phối;

đ) Giám sát, kiểm tra việc sử dụng phần vốn đã góp vào doanh nghiệp bị chi phối;

e) Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử

dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đã góp vào các doanh nghiệp bị chi phối.

**Mục IV. QUAN HỆ TỔNG CÔNG TY
VỚI DOANH NGHIỆP CÓ VỐN GÓP
DƯỚI MỨC CHI PHỐI CỦA
TỔNG CÔNG TY**

Điều 42. Doanh nghiệp có vốn góp dưới mức chi phối của Tổng công ty

Doanh nghiệp có vốn góp dưới mức chi phối không là đơn vị thành viên của Tổng công ty.

Điều 43. Quan hệ Tổng công ty với các doanh nghiệp có vốn góp dưới mức chi phối của Tổng công ty

1. Doanh nghiệp có vốn góp không chi phối của Tổng công ty được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của doanh nghiệp đó.

2. Tổng công ty cử người đại diện để thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh theo điều lệ của doanh nghiệp đó hoặc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo hợp đồng liên kết.

**Mục V. NGƯỜI TRỰC TIẾP QUẢN LÝ
VỐN GÓP CỦA TỔNG CÔNG TY
Ở DOANH NGHIỆP KHÁC**

Điều 44. Tiêu chuẩn và điều kiện của

người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Tổng công ty

1. Người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Tổng công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam; là người của Tổng công ty;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ;

c) Hiểu biết pháp luật, có ý thức chấp hành pháp luật;

d) Có trình độ chuyên môn về tài chính doanh nghiệp hoặc lĩnh vực kinh doanh chính của doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty; có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp; người trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối của Tổng công ty ở các công ty liên doanh với nước ngoài phải có thêm trình độ ngoại ngữ đủ để làm việc với người nước ngoài trong liên doanh không cần phiên dịch.

đ) Không là bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột của những người là đại diện chủ sở hữu, người trong Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc, Tổng giám đốc của doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty mà người đó được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp;

e) Không có quan hệ góp vốn thành lập

doanh nghiệp, cho vay vốn, ký kết hợp đồng mua bán với doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty mà người đó được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp, trừ trường hợp có cổ phần tại doanh nghiệp được cổ phần hóa.

2. Người đại diện tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc, Tổng giám đốc của doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty mà người đó được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định pháp luật, điều lệ của doanh nghiệp đó.

[Điều lệ cụ thể của Tổng công ty có thể quy định cụ thể thêm hoặc bổ sung thêm các tiêu chuẩn và điều kiện khác về người trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối của Tổng công ty tại doanh nghiệp có vốn góp chi phối, căn cứ theo đặc điểm ngành nghề và đặc thù của Tổng công ty, doanh nghiệp có vốn góp chi phối].

Điều 45. Quyền, nghĩa vụ, quyền lợi của người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Tổng công ty

1. Người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Đại diện cho Tổng công ty thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh tại doanh nghiệp có vốn góp. Sử dụng quyền cổ phần chi phối hoặc vốn góp chi phối để

định hướng doanh nghiệp bị chi phối thực hiện chiến lược, mục tiêu của Tổng công ty;

b) Trực tiếp tham gia ứng cử vào bộ máy quản lý, điều hành của doanh nghiệp có vốn góp theo quy định của Điều lệ doanh nghiệp đó;

c) Theo dõi và giám sát tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có vốn góp;

d) Thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc về hiệu quả sử dụng phần vốn góp chi phối;

đ) Xin ý kiến Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội cổ đông, tại cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bị chi phối về: phương hướng, chiến lược, kế hoạch kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; tăng, giảm vốn điều lệ; chia lợi tức; bán tài sản có giá trị lớn;

e) Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về quản lý phần vốn góp, hiệu quả sử dụng vốn góp của Công ty ở công ty được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp. Trường hợp không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định, lợi dụng quyền đại diện phần vốn góp, thiếu trách nhiệm gây thiệt hại cho Tổng công ty và đại diện chủ sở hữu thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật và Quy chế tài chính của Tổng công ty.

[Căn cứ vào các điểm từ a đến e nêu tại khoản 1 Điều này và Nghị định 199/2004/NĐ-CP để quy định chi tiết trong Điều lệ của Công ty].

2. Người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Tổng công ty hưởng chế độ lương, thưởng hoặc thù lao, phụ cấp trách nhiệm... theo quyết định của Hội đồng quản trị [Điều lệ cụ thể từng Tổng công ty quy định chi tiết theo đặc thù của mình, có thể phân loại chế độ lương, thưởng, thù lao, phụ cấp trách nhiệm theo doanh nghiệp có và không có vốn góp chi phối].

Chương VI

CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Điều 46. Tăng, giảm, điều chỉnh vốn Điều lệ của Tổng công ty

1. Vốn điều lệ của Tổng công ty ghi tại Điều 5 của Điều lệ này là vốn của chủ sở hữu đầu tư tại Tổng công ty ở thời điểm... [ghi thời điểm cụ thể].

2. Trong quá trình hoạt động, vốn điều lệ có thể tăng lên từ các nguồn sau:

a) Lợi nhuận sau thuế bổ sung vào vốn điều lệ, kể cả lợi nhuận sau thuế của các đơn vị thành viên 100% vốn của Tổng công ty và cổ tức được chia từ các doanh

nh nghiệp có cổ phần, vốn góp của Tổng công ty;

b) Vốn do chủ sở hữu bổ sung cho Tổng công ty từ ngân sách nhà nước hoặc nguồn khác;

c) Chủ sở hữu giao, ủy quyền cho Tổng công ty thực hiện chức năng chủ sở hữu một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của một doanh nghiệp khác tham gia làm đơn vị thành viên của Tổng công ty.

3. Việc điều chỉnh tăng hay giảm vốn điều lệ của Tổng công ty do Đại diện chủ sở hữu quyết định sau khi thỏa thuận với Bộ Tài chính.

4. Trong mọi trường hợp tăng hay giảm vốn điều lệ, Tổng công ty phải tiến hành điều chỉnh kịp thời trong bảng cân đối kế toán, công bố vốn điều lệ và làm các thủ tục điều chỉnh vốn điều lệ trong Điều lệ này.

5. Chủ sở hữu chỉ được rút vốn đã đầu tư vào Tổng công ty trong trường hợp điều chỉnh giảm vốn điều lệ nhưng phải đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng công ty. Trường hợp không điều chỉnh vốn điều lệ thì chủ sở hữu chỉ được rút vốn thông qua hình thức chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần vốn cho các tổ chức, cá nhân khác.

6. Đối với vốn chủ sở hữu đã cam kết bổ sung cho Tổng công ty thì chủ sở hữu có trách nhiệm đầu tư đủ vốn theo đúng thời hạn đã cam kết. Trường hợp sau 2 năm

chủ sở hữu không đầu tư đầy đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết thì chủ sở hữu phải điều chỉnh vốn điều lệ của Tổng công ty.

Điều 47. Nguyên tắc quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành và phân phối lợi nhuận của Tổng công ty

1. Việc quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành của Tổng công ty thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính đối với Tổng công ty do Hội đồng quản trị ban hành.

2. Nội dung Quy chế quản lý tài chính đối với Tổng công ty được xây dựng dựa trên các nguyên tắc quản lý tài chính công ty nhà nước theo Nghị định 199/2004/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan. Quy chế quản lý tài chính tối thiểu phải gồm những nội dung sau:

a) Cơ chế quản lý vốn và tài sản của Tổng công ty;

b) Cơ chế quản lý doanh thu, chi phí, giá thành của Tổng công ty, trong đó quy định cụ thể thẩm quyền Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quyết định giá mua, giá bán sản phẩm, dịch vụ của Tổng công ty; quyết định việc mua trái phiếu, tín phiếu; quyết định mức chi phí giao dịch, môi giới, quảng cáo, tiếp khách, hội họp, mức trích khấu hao tài sản cố định không thấp hơn mức tối thiểu do Chính phủ quy định;

c) Cơ chế quản lý kết quả hoạt động kinh doanh, phân phối lợi nhuận, các quỹ và mục đích sử dụng các quỹ của Tổng công ty;

d) Mối quan hệ về tài chính giữa Tổng công ty với các đơn vị thành viên.

Điều 48. Kế hoạch tài chính, kế toán, kiểm toán

1. Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

2. Trước thời hạn [ghi thời điểm cụ thể hàng năm] hàng năm, Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính hàng năm của Tổng công ty. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo Đại diện chủ sở hữu kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính hàng năm của Tổng công ty làm căn cứ để giám sát và đánh giá kết quả quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

3. Trong thời hạn... ngày [ghi thời hạn cụ thể] sau khi kết thúc... kỳ kế hoạch [tùy thuộc yêu cầu quản lý là năm hoặc quý], Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị báo cáo tài chính trong kỳ báo cáo của Công ty và toàn bộ tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con. Hội đồng quản trị có nhiệm vụ thẩm tra các báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về tính trung thực của số liệu báo cáo tài chính. Sau khi

thẩm tra, Công ty trình chủ sở hữu phê duyệt báo cáo tài chính [tùy thuộc yêu cầu quản lý là loại báo cáo năm hoặc quý] và gửi đến các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật.

4. Tổng công ty thực hiện công tác kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật. Mục tiêu kiểm toán nội bộ nhằm phục vụ cho công tác điều hành của Tổng giám đốc và công tác giám sát, kiểm tra của Hội đồng quản trị.

5. Tổng công ty thực hiện công khai tài chính theo quy chế dân chủ ở cơ sở và quy định của Nhà nước.

Chương VII

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY

Điều 49. Tổ chức lại

1. Tổ chức lại Tổng công ty, công ty thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty được tiến hành theo các hình thức sau đây:... [ghi cụ thể các hình thức tại Điều 73 Luật Doanh nghiệp nhà nước].

2. Việc tổ chức lại, hình thức tổ chức lại Tổng công ty, công ty thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty do người có thẩm quyền theo quy định pháp luật quyết định. Tổng công ty, công ty thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty thực hiện tổ chức lại theo trình tự, thủ

tục của pháp luật [căn cứ Điều 73 và Điều 75 của Luật Doanh nghiệp nhà nước và Nghị định 180/2004/NĐ-CP để ghi cụ thể về tổ chức lại].

3. Trách nhiệm của Tổng công ty, công ty thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty khi tổ chức lại... [căn cứ Điều 76 của Luật Doanh nghiệp nhà nước và Nghị định 180/2004/NĐ-CP để quy định cụ thể].

Điều 50. Chuyển đổi sở hữu

1. Tổng công ty chuyển đổi sở hữu theo các hình thức sau:

a) Cổ phần hóa:

- Toàn bộ Tổng công ty;
- Đơn vị thành viên của Tổng công ty;
- Đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty;
- Bộ phận của đơn vị thành viên.

b) Bán:

- Toàn bộ Tổng công ty;
- Đơn vị thành viên của Tổng công ty;
- Đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty;
- Bộ phận của đơn vị thành viên.

c) Giao công ty thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty.

2. Khi có quyết định chuyển đổi sở hữu, Tổng công ty tiến hành chuyển đổi theo

trình tự, thủ tục của pháp luật về chuyển đổi sở hữu [Điều lệ có thể quy định trách nhiệm của các bộ phận, cá nhân căn cứ vào các quy định về chuyển đổi sở hữu].

Điều 51. Giải thể

1. Tổng công ty bị giải thể bộ máy quản lý và chuyển các công ty thành viên của Tổng công ty thành các công ty nhà nước độc lập khi không thực hiện được các mục tiêu sau đây:

a) Tổng công ty kinh doanh thua lỗ kéo dài nhưng chưa lâm vào tình trạng phá sản;

b) Tổng công ty không thực hiện được các nhiệm vụ do Nhà nước quy định sau khi đã áp dụng các biện pháp cần thiết;

c) Không tổ chức được các hoạt động dịch vụ tìm kiếm thị trường, thông tin, đào tạo, nghiên cứu, tiếp thị và các hoạt động dịch vụ khác hỗ trợ trực tiếp cho các công ty thành viên;

d) Không tạo điều kiện phát triển công nghệ, tăng cường tích tụ, tập trung vốn, phân công chuyên môn hóa, nâng cao khả năng cạnh tranh của các công ty thành viên và toàn Tổng công ty;

đ) Không có cơ chế bảo đảm lợi ích và gắn bó lợi ích giữa các công ty thành viên và không được các công ty thành viên chấp thuận;

e) Việc tiếp tục duy trì Tổng công ty là không cần thiết.

2. Công ty thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

a) Công ty kinh doanh thua lỗ kéo dài nhưng chưa lâm vào tình trạng phá sản;

b) Công ty không thực hiện được các nhiệm vụ do Nhà nước quy định sau khi đã áp dụng các biện pháp cần thiết;

c) Việc tiếp tục duy trì Công ty là không cần thiết.

3. Tổng công ty, công ty thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty thực hiện giải thể theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định [Điều lệ có thể quy định trách nhiệm của các bộ phận, cá nhân căn cứ vào các quy định về giải thể].

Điều 52. Phá sản Tổng công ty, công ty thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty

Khi chủ nợ có yêu cầu thanh toán nợ đến hạn mà Tổng công ty, công ty thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty lâm vào tình trạng không có khả năng thanh toán được các khoản nợ đến hạn, thì đại diện pháp luật của Tổng công ty, công ty thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty phải nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với Công ty.

Tổng công ty, công ty thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty tiến hành các thủ tục phá sản theo quy định của Luật Phá sản.

Chương VIII

SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

Điều 53. Quyền tiếp cận sổ sách và hồ sơ Tổng công ty

1. Định kỳ... [căn cứ vào Luật Doanh nghiệp nhà nước và các quy định khác của pháp luật để quy định cụ thể về thời gian], Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi cho Đại diện chủ sở hữu những tài liệu sau:... [căn cứ vào Luật Doanh nghiệp nhà nước và các quy định khác của pháp luật để quy định cụ thể những tài liệu gửi].

2. Trong trường hợp đột xuất, Đại diện chủ sở hữu có quyền yêu cầu bằng văn bản Hội đồng quản trị cung cấp bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào liên quan đến việc tổ chức thực hiện quyền của chủ sở hữu quy định tại Điều lệ này.

3. Tổng giám đốc có trách nhiệm tổ chức chuẩn bị và báo cáo để Hội đồng quản trị cung cấp hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của Đại diện chủ sở hữu. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị được Tổng giám đốc cung cấp hồ sơ, tài liệu chuẩn bị cho các cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị. Chủ tịch và các thành

viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý của Tổng công ty cung cấp mọi hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.

4. Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty.

5. Người lao động trong Tổng công ty có quyền tìm hiểu thông tin về Tổng công ty thông qua Đại hội công nhân viên chức và Ban Thanh tra nhân dân.

Điều 54. Công khai thông tin

1. Tổng giám đốc là người thực hiện các quy định của pháp luật và Điều lệ này về công khai thông tin và chịu trách nhiệm về việc thực hiện các quy định này. Bộ phận lưu giữ hồ sơ, tài liệu chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quyết định của Tổng giám đốc hoặc người được Tổng giám đốc ủy quyền.

2. Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi thông tin thực hiện theo các quy định của pháp luật.

3. Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức cung cấp thông tin theo quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

*Chương IX***GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ
VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ****Điều 55.** Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Việc giải quyết tranh chấp nội bộ hoặc tranh chấp liên quan đến quan hệ giữa Đại diện chủ sở hữu và Tổng công ty, giữa Đại diện chủ sở hữu và Hội đồng quản trị, giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc, bộ máy giúp việc được căn cứ theo Điều lệ này.

2. Trường hợp giải quyết tranh chấp theo Điều lệ này không được các bên chấp thuận, thì bất kỳ bên nào cũng có thể đưa ra các cơ quan có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp để giải quyết.

Điều 56. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Khi cơ cấu thành viên Tổng công ty chuyển theo cơ cấu của mô hình Công ty mẹ - Công ty con thì phải sửa đổi lại Điều lệ này cho phù hợp với điều lệ Công

ty mẹ trong mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

2. Mọi sửa đổi, bổ sung Điều lệ này do Đại diện chủ sở hữu quyết định.

3. Hội đồng quản trị có quyền kiến nghị Đại diện chủ sở hữu về phương án sửa đổi, bổ sung Điều lệ.

*Chương X***ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 57.** Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ này có hiệu lực thi hành đồng thời với Tổng công ty kể từ ngày... [ngày... tháng, năm].

2. Tất cả các đơn vị và cá nhân thuộc Tổng công ty có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ này.

Điều lệ này được ban hành tại:... [tỉnh... thành phố].

Đại diện chủ sở hữu

(Ghi rõ chức vụ, ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 2**MẪU ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY MẸ**

(trường hợp Công ty mẹ là công ty nhà nước)

ĐIỀU LỆ**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY...**

[ghi tên Công ty theo quyết định thành lập]

(được phê duyệt theo Quyết định số... ngày... tháng... năm... của... [ghi số Quyết định phê duyệt; ngày, tháng, năm phê duyệt; tên cơ quan quyết định phê duyệt điều lệ])

Căn cứ Luật Doanh nghiệp nhà nước số 14/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ Nghị định số 153/2004/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2004 về tổ chức, quản lý tổng công ty nhà nước và chuyển đổi tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước độc lập theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 13/1999/QH10 ngày 12 tháng 6 năm 1999;

Căn cứ v.v...

Các quy định của Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho hoạt động của Công ty (...)
(sau đây gọi tắt là Công ty).

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Giải thích từ ngữ**

1. Trừ trường hợp các điều khoản của Điều lệ này quy định khác, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “Luật Doanh nghiệp nhà nước” là Luật Doanh nghiệp nhà nước số 14/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003.

b) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 13/1999/QH10 ngày 12 tháng 6 năm 1999.

c) “Vốn điều lệ của Công ty” là số vốn do chủ sở hữu đầu tư và ghi tại điều lệ Công ty.

d) “Cổ phần chi phối, vốn góp chi phối của Công ty” là cổ phần hoặc vốn góp của Công ty chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp khác.

đ) “Quyền chi phối của Công ty” là quyền của Công ty (với tư cách là Công ty nắm giữ cổ phần chi phối, vốn góp chi

phối tại công ty con, hoặc nắm giữ bí quyết công nghệ, thương hiệu, thị trường của công ty con) quyết định đối với điều lệ hoạt động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý chủ chốt, việc tổ chức quản lý, thị trường, chiến lược kinh doanh, định hướng đầu tư và các quyết định quan trọng khác của công ty con, công ty bị chi phối theo điều lệ của công ty con, công ty bị chi phối đó hoặc theo thỏa thuận giữa Công ty với công ty con, công ty bị chi phối đó.

e) “Công ty con” là doanh nghiệp do Công ty đầu tư 100% vốn điều lệ hoặc do Công ty giữ cổ phần chi phối, vốn góp chi phối, được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên, công ty liên doanh, công ty ở nước ngoài.

g) “Công ty liên kết” là các công ty có vốn góp dưới mức chi phối của công ty mẹ, tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần, công ty liên doanh với nước ngoài, công ty ở nước ngoài.

h) “Công ty tự nguyện tham gia liên kết với Công ty” là doanh nghiệp không có cổ phần, vốn góp của Công ty nhưng tự nguyện tham gia thành viên của Công ty, chịu sự ràng buộc về quyền, nghĩa vụ với Công ty theo hợp đồng liên kết hoặc theo thỏa thuận giữa công ty đó với Công ty.

i) “Đơn vị trực thuộc” là các đơn vị phụ thuộc Công ty.

k) “Tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con” là tổ hợp các doanh nghiệp bao gồm công ty mẹ và các công ty con.

[Tùy theo đặc thù của mình Điều lệ của từng công ty có thể bổ sung các giải thích từ ngữ khác].

2. Các từ ngữ khác trong Điều lệ này đã được giải nghĩa trong Bộ Luật dân sự, Luật Doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp nhà nước và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa tương tự như trong các văn bản pháp luật đó.

Điều 2. Tên và trụ sở của Công ty

1. Tên gọi đầy đủ của Công ty: [ghi theo quyết định chuyển đổi, thành lập]

2. Tên giao dịch quốc tế: [ghi theo quyết định chuyển đổi, thành lập]

3. Tên viết tắt: [ghi theo quyết định chuyển đổi, thành lập]

4. Địa chỉ trụ sở chính: [ghi theo quyết định chuyển đổi, thành lập]

Điện thoại: [ghi số điện thoại]

Fax: [ghi số fax]

Website: [ghi địa chỉ website (nếu có)].

Điều 3. Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân của Công ty

1. Công ty... [ghi tên gọi đầy đủ của Công ty theo quyết định chuyển đổi,

thành lập] là công ty nhà nước hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước.

2. Công ty có tư cách pháp nhân, con dấu và được mở tài khoản tiền Đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

3. Công ty có vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ bằng toàn bộ tài sản của mình.

4. Công ty có quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt đối với tên gọi, biểu tượng, thương hiệu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

a) Kinh doanh có lãi; bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu đầu tư tại Công ty và tại các doanh nghiệp khác; hoàn thành các nhiệm vụ do đại diện chủ sở hữu giao trong đó có chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu;

b) Tối đa hóa hiệu quả hoạt động của tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con.

[ghi cụ thể các mục tiêu khác của Công ty]

2. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

a) Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực

tiếp sản xuất kinh doanh trong các ngành, nghề, lĩnh vực chính là [ghi cụ thể các ngành nghề hoặc các nhóm ngành nghề kinh doanh chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh].

b) Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết.

Điều 5. Vốn điều lệ của Công ty

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm.../.../200... là: ... [ghi số lượng] triệu đồng. Khi tăng hoặc giảm vốn điều lệ, Công ty đăng ký lại với cơ quan đăng ký kinh doanh và công bố vốn điều lệ đã điều chỉnh.

Điều 6. Đại diện chủ sở hữu Công ty

1. Nhà nước sở hữu toàn bộ vốn điều lệ của Công ty. Đại diện chủ sở hữu nhà nước là [tên của Bộ quản lý ngành hoặc UBND cấp tỉnh hoặc Tổng công ty hoặc cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, tùy từng trường hợp] (sau đây gọi tắt là Đại diện chủ sở hữu). Hội đồng quản trị là cơ quan đại diện trực tiếp chủ sở hữu tại Công ty.

2. Địa chỉ trụ sở chính: [tùy từng trường hợp Đại diện chủ sở hữu là Bộ quản lý ngành hoặc UBND cấp tỉnh hoặc Tổng công ty hoặc cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật mà ghi địa chỉ trụ sở của các cơ quan, tổ chức cụ thể];

Điện thoại: [ghi số điện thoại]

Fax: [ghi số fax]

Website: [ghi địa chỉ website (nếu có)]

Điều 7. Đại diện theo pháp luật của Công ty

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Tổng giám đốc Công ty.

Điều 8. Quan hệ của Công ty với cơ quan quản lý nhà nước

Công ty chịu sự quản lý nhà nước của cơ quan nhà nước các cấp theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 10. Quyền của Công ty trong hoạt động kinh doanh

[Cụ thể hóa quyền của Công ty căn cứ vào: các quy định tại các Điều 13, 15, 17, 19 và 20 Luật Doanh nghiệp nhà nước; Nghị định số 153/2004/NĐ-CP, Nghị định số 199/2004/NĐ-CP và các văn bản pháp quy hướng dẫn Luật Doanh nghiệp nhà nước; các quyền của Đại diện chủ sở hữu phân cấp cho Công ty quy định tại Điều 13 và các điều khác có liên quan của Điều lệ này; các quyền của Công ty với tư cách là chủ sở hữu, cổ đông, thành viên, bên liên doanh góp vốn tại doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật; đặc điểm ngành nghề, lĩnh vực hoạt động của Công ty].

Công ty kế thừa các quyền hợp pháp của [ghi tên tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước, công ty nhà nước được tổ chức lại, chuyển đổi thành Công ty mẹ].

Điều 11. Nghĩa vụ của Công ty trong hoạt động kinh doanh

[Cụ thể hóa nghĩa vụ của Công ty căn cứ vào: các quy định tại các Điều 14, 16, 18, 19 và 20 Luật Doanh nghiệp nhà nước; Nghị định số 153/2004/NĐ-CP, Nghị định số 199/2004/NĐ-CP và các văn bản pháp quy hướng dẫn Luật Doanh nghiệp nhà nước; các nghĩa vụ khác của Công ty trừ các nghĩa vụ quy định tại Điều 12 của Điều lệ này; các nghĩa vụ của Công ty với tư cách là chủ sở hữu, cổ đông, thành viên, bên liên doanh góp vốn tại doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật; đặc điểm ngành nghề, lĩnh vực hoạt động của Công ty].

Công ty có trách nhiệm kế thừa các nghĩa vụ hợp pháp của [ghi tên tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước, công ty nhà nước được tổ chức lại, chuyển đổi thành Công ty mẹ].

Điều 12. Nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty đối với công ty con, công ty liên kết

1. Công ty có nghĩa vụ với tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con như sau:

a) Bảo đảm việc định hướng chiến lược kinh doanh chung của tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con phù hợp với điều lệ của các công ty con;

b) Phối hợp giữa các doanh nghiệp trong tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con để tìm kiếm, cung cấp nguồn đầu vào, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ mà từng doanh nghiệp đơn lẻ không có khả năng thực hiện, thực hiện không có hiệu quả hoặc giảm hiệu quả thấp hơn so với khi có sự phối hợp của tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con;

c) Hạn chế tình trạng đầu tư, kinh doanh trùng lặp hoặc cạnh tranh nội bộ dẫn đến phân tán, lãng phí nguồn lực, giảm hiệu quả kinh doanh của tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con;

d) Thực hiện hoạt động nghiên cứu, tiếp thị, xúc tiến thương mại, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con mở rộng và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh;

đ) Thực hiện các quyền chi phối đối với công ty con theo Điều lệ của doanh nghiệp bị chi phối. Công ty không được lạm dụng quyền chi phối làm tổn hại đến lợi ích của các công ty con, chủ nợ, cổ đông, thành viên góp vốn khác và các bên có liên quan.

2. Trường hợp thực hiện các hoạt động sau đây mà không có sự thỏa thuận với công ty con, gây thiệt hại cho công ty con và các bên liên quan thì Công ty phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho các công ty đó và các bên liên quan:

a) Buộc công ty con phải ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế không bình đẳng và bất lợi đối với các công ty này.

b) Điều chuyển vốn, tài sản của công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên gây thiệt hại cho công ty bị điều chuyển, trừ các trường hợp: điều chuyển theo phương thức thanh toán; quyết định tổ chức lại công ty; thực hiện mục tiêu cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

c) Điều chuyển một số hoạt động kinh doanh có hiệu quả, có lãi từ công ty con này sang công ty con khác không có sự thỏa thuận với công ty bị điều chuyển, dẫn đến công ty bị điều chuyển bị lỗ hoặc lợi nhuận bị giảm sút nghiêm trọng.

d) Quyết định các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đối với các công ty con trái với điều lệ và pháp luật; giao nhiệm vụ của Công ty cho công ty con, công ty liên

kết không dựa trên cơ sở ký kết hợp đồng kinh tế với các doanh nghiệp này.

đ) Buộc công ty con cho Công ty hoặc công ty con khác vay vốn với lãi suất thấp với điều kiện vay và thanh toán không hợp lý hoặc phải cung cấp các khoản tiền vay để Công ty, công ty con khác thực hiện các hợp đồng kinh tế có nhiều rủi ro đối với hoạt động kinh doanh của công ty con.

Chương III

ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY

Điều 13. Quyền của Đại diện chủ sở hữu đối với Công ty

1. Đại diện chủ sở hữu có các quyền sau đây trong lĩnh vực tổ chức, quản lý của Công ty:

[Căn cứ Chương VI Luật Doanh nghiệp nhà nước, Nghị định số 153/2004/NĐ-CP và quy định của Chính phủ về thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty nhà nước và đặc điểm của Công ty để cụ thể hóa].

2. Đại diện chủ sở hữu có các quyền sau đây trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, đầu tư và tài chính của Công ty:

a) Trình Chính phủ các dự án đầu tư của Công ty thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ hoặc Quốc hội do pháp luật quy định;

b) Quyết định các dự án đầu tư, phương án sử dụng vốn, tài sản của Công ty để góp vốn, mua cổ phần của các công ty khác có giá trị lớn hơn... % [ghi mức tối đa Đại diện chủ sở hữu phân cấp cho Hội đồng quản trị quyết định mà từ mức này trở lên do Đại diện chủ sở hữu quyết định] tổng giá trị tài sản còn lại được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty hoặc lớn hơn... triệu đồng [ghi số lượng tuyệt đối triệu đồng tương đương với tỷ lệ % nêu trên] theo đề nghị của Hội đồng quản trị [có thể ghi cả 2 tiêu chí tỷ lệ % và số tuyệt đối (triệu đồng) hoặc chỉ ghi 1 trong 2 tiêu chí; trường hợp ghi số tuyệt đối (triệu đồng) thì không được trái với mức quy định tại khoản 3 Điều 30 Luật Doanh nghiệp nhà nước];

c) Quyết định chủ trương bán tài sản có giá trị lớn hơn... % [ghi mức tối đa Đại diện chủ sở hữu phân cấp cho Hội đồng quản trị quyết định mà từ mức này trở lên do Đại diện chủ sở hữu quyết định] tổng giá trị tài sản còn lại được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty hoặc lớn hơn... triệu đồng [ghi số lượng tuyệt đối triệu đồng tương đương với tỷ lệ % nêu trên] theo đề nghị của Hội đồng quản trị [có thể ghi cả 2 tiêu chí tỷ lệ % và số tuyệt đối (triệu đồng) hoặc chỉ ghi 1 trong 2 tiêu chí; trường hợp ghi số tuyệt đối (triệu đồng) thì không được trái với mức quy định tại khoản 3 Điều 30 Luật Doanh nghiệp nhà nước];

d) Phê duyệt các phương án và dự án sau do Hội đồng quản trị đệ trình:

- Phương án sử dụng vốn, tài sản của Công ty để góp vốn liên doanh với chủ đầu tư nước ngoài;

- Dự án đầu tư ra nước ngoài của Công ty;

- Phương án mua công ty thuộc thành phần kinh tế khác.

đ) Phối hợp với Bộ Tài chính để:

- Xác định mức vốn điều lệ ban đầu;

- Phê duyệt việc tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị;

- Phê duyệt Quy chế quản lý tài chính của Công ty, trong đó có cơ chế phân phối lợi nhuận của Công ty.

3. Đại diện chủ sở hữu có các quyền sau trong kiểm tra, giám sát Công ty:

a) Giao và kiểm tra việc thực hiện chỉ tiêu hàng năm về tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu;

b) Được Công ty báo cáo thường xuyên, kịp thời, chính xác các thông tin về hoạt động kinh doanh, tài chính của Công ty theo quy định tại Chương VIII của Điều lệ này; được thông báo kế hoạch kinh doanh, dự toán tài chính liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty và các thông tin về hoạt động kinh doanh,

tài chính của toàn bộ tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con;

c) Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá: kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty; thực hiện Quy chế quản lý tài chính của Công ty, trong đó có cơ chế phân phối lợi nhuận của Công ty; chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu đầu tư. Quy trình, thủ tục kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty theo quy định của pháp luật;

d) Phê duyệt việc chỉ định kiểm toán bên ngoài trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát hoặc yêu cầu chỉ định kiểm toán độc lập theo lựa chọn của riêng mình.

4. Trước khi quyết định hoặc phê duyệt theo thẩm quyền, đại diện chủ sở hữu có thể yêu cầu Hội đồng quản trị hoặc đại diện được ủy quyền của Hội đồng quản trị báo cáo hoặc cung cấp thông tin liên quan đến vấn đề được quyết định hoặc phê duyệt.

Điều 14. Nghĩa vụ của Đại diện chủ sở hữu đối với Công ty

1. Tuân thủ Điều lệ của Công ty;

2. Bảo đảm quyền tự chủ kinh doanh, tự chịu trách nhiệm của Công ty; không trực tiếp can thiệp vào hoạt động kinh doanh của Công ty, các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Tổng

giám đốc, Giám đốc và bộ máy quản lý của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại diện chủ sở hữu quy định tại Điều 13 của Điều lệ này;

3. Trong quá trình hoạt động của Công ty, nếu vốn chủ sở hữu thực tế thấp hơn mức vốn điều lệ đã được phê duyệt thì Đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm đầu tư đủ vốn điều lệ cho Công ty;

4. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của Công ty;

5. Tuân theo các quy định của pháp luật về hợp đồng trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê và cho thuê giữa Công ty và Đại diện chủ sở hữu;

6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Quan hệ của Công ty với Chính phủ và Bộ Tài chính

... [Cụ thể hóa Điều 65 và Điều 67 Luật Doanh nghiệp nhà nước theo đặc điểm của từng Công ty].

Chương IV

TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 16. Cơ cấu tổ chức quản lý

1. Công ty có cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành gồm:

- a) Hội đồng quản trị;
- b) Ban Kiểm soát;
- c) Tổng giám đốc;
- d) Các Phó tổng giám đốc;
- đ) Kế toán trưởng;
- e) Bộ máy giúp việc.

2. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành của Công ty có thể thay đổi để phù hợp với yêu cầu kinh doanh trong quá trình hoạt động. Công ty phải tiến hành sửa đổi, bổ sung Điều lệ khi thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành quy định tại khoản 1 Điều này.

Mục I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 17. Chức năng và cơ cấu của HĐQT

1. Địa vị pháp lý, chức năng của Hội đồng quản trị [căn cứ Điều 29 của Luật Doanh nghiệp nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành và các quy định khác có liên quan để cụ thể hóa].

2. Hội đồng quản trị có... [ghi tổng số thành viên hoặc ghi số lượng tối đa và tối thiểu] thành viên, gồm Chủ tịch và các thành viên khác. Hội đồng quản trị có thành viên chuyên trách và thành viên không chuyên trách. Chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị được bầu là Trưởng Ban kiểm soát phải là thành viên chuyên trách.

3. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị do người quyết định thành lập công ty quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc thay thế, khen thưởng, kỷ luật. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là... [ghi số năm nhưng không được vượt quá 5 năm]. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị có thể được bổ nhiệm lại.

Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị

1. Nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác do chủ sở hữu đầu tư cho Công ty.

2. Quyết định chiến lược, kế hoạch dài hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm, ngành nghề kinh doanh của Công ty và của các công ty con do Công ty sở hữu toàn bộ vốn điều lệ.

3. Quyết định các dự án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần của công ty khác, bán tài sản của Công ty có giá trị từ... % [mức tỷ lệ % mà dưới mức đó Hội đồng quản trị quyết định phân cấp cho Tổng giám đốc; trường hợp Hội đồng quản trị không quyết định phân cấp cho Tổng giám đốc thì không ghi giá trị dưới này] đến... % [mức tỷ lệ % mà trên mức đó do chủ sở hữu quyết định nhưng Hội đồng quản trị không quyết định vượt quá 50%] tổng giá trị tài sản còn lại được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty [hoặc Điều lệ phân cấp cho Hội đồng quản trị

theo giá trị tuyệt đối là triệu đồng; hoặc chia theo loại dự án và áp dụng cách phân cấp theo % tổng giá trị tài sản hoặc phân cấp theo giá trị tuyệt đối].

4. Quyết định các hợp đồng vay, cho vay, thuê, cho thuê và hợp đồng kinh tế khác có giá trị trên mức vốn điều lệ của Công ty.

5. Quyết định phương án tổ chức quản lý, tổ chức kinh doanh, biên chế và sử dụng bộ máy quản lý, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quy hoạch, đào tạo lao động, lập chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc.

6. Tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng hoặc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức và quyết định mức lương đối với Tổng giám đốc sau khi được sự chấp thuận của người quyết định thành lập Công ty; tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng hoặc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức và quyết định mức lương đối với Phó tổng giám đốc và kế toán trưởng theo đề nghị của Tổng giám đốc.

7. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của các doanh nghiệp sau đây:

a) Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hàng năm của công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

c) Báo cáo tài chính hàng năm của công ty trực thuộc (nếu có);

d) Báo cáo tài chính hợp nhất của tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con.

8. Thông qua phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế hoặc xử lý các khoản lỗ trong quá trình kinh doanh do Tổng giám đốc đề nghị trên cơ sở Quy chế quản lý tài chính của Công ty;

9. Tổ chức kiểm tra, giám sát Tổng giám đốc Công ty, Giám đốc các đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Tổng giám đốc, Giám đốc theo quy định của Luật Doanh nghiệp nhà nước và Điều lệ này.

10. Tổ chức kiểm tra, giám sát Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty, Giám đốc công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ do đại diện chủ sở hữu giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp nhà nước và Điều lệ này, phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, doanh nghiệp có phần vốn góp của Công ty.

11. Quyết định việc đầu tư vào các công ty con; sử dụng vốn của Công ty để đầu tư thành lập công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và mua cổ phần, góp vốn vào doanh nghiệp

khác nhưng không vượt quá mức vốn đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị quy định tại khoản 3 Điều này. Quyết định phương án phối hợp kinh doanh của Công ty với các công ty con; điều chỉnh vốn, các nguồn lực khác do Công ty đầu tư giữa các công ty con theo Điều lệ của các công ty đó.

12. Quyết định tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia làm công ty liên kết của Công ty.

13. Thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với các công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên quy định tại Điều 37 của Điều lệ này.

14. Thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ của chủ sở hữu cổ phần, vốn góp ở các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của Công ty theo quy định tại các Điều 38, 39 và 41 của Điều lệ này.

15. Kiến nghị Đại diện chủ sở hữu quyết định những vấn đề đối với Công ty thuộc thẩm quyền quyết định của Đại diện chủ sở hữu quy định tại Điều 13 của Điều lệ này.

16. [Các quyền và nghĩa vụ khác theo điều kiện cụ thể của công ty].

Điều 19. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. [Căn cứ vào Điều 31 của Luật Doanh nghiệp nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành luật để cụ thể hóa].

2. [Tiêu chuẩn khác theo điều kiện cụ thể của Công ty].

Điều 20. Miễn nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong trường hợp vi phạm các quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Doanh nghiệp nhà nước [có thể cụ thể hóa khoản 3 Điều 32 Luật Doanh nghiệp nhà nước].

2. Thành viên Hội đồng quản trị được thay thế, bổ sung trong những trường hợp sau đây:

a) Bị miễn nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tự nguyện xin từ chức;

c) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;

d) [Các trường hợp khác do Công ty quy định không trái với quy định của pháp luật].

3. Trường hợp Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị bị thay thế thì trong thời hạn 60 ngày Hội đồng quản trị phải họp để đề nghị người quyết định thành lập Công ty xem xét quyết định việc tuyển chọn, bổ nhiệm người thay thế.

Điều 21. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm chức vụ Tổng giám đốc của Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

a) [Căn cứ vào các điểm a, c, d, đ, e khoản 2 Điều 33 của Luật Doanh nghiệp nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành để cụ thể hóa];

b) Tổ chức nghiên cứu chiến lược phát triển; kế hoạch dài hạn; dự án đầu tư có quy mô thuộc quyền quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị trình Đại diện chủ sở hữu quyết định; phương án đổi mới tổ chức, nhân sự chủ chốt của Công ty để trình Hội đồng quản trị;

c) [Điều lệ Công ty quy định thêm các quyền khác theo phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị hoặc người quyết định thành lập Công ty].

Điều 22. Chế độ làm việc của Hội đồng quản trị

1. Chế độ làm việc của Hội đồng quản trị [căn cứ Điều 34 của Luật Doanh nghiệp nhà nước để cụ thể hóa chế độ làm việc của Hội đồng quản trị, trong đó có thể ghi rõ số lần họp, quy định thêm các trường hợp họp bất thường khác nhưng không trái với Luật Doanh nghiệp nhà nước].

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ

tịch Hội đồng quản trị ủy quyền triệu tập và chủ trì cuộc họp của Hội đồng quản trị. Nội dung và các tài liệu cuộc họp phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị và các đại biểu được mời dự họp (nếu có) trước ngày họp ít nhất... [số ngày do Công ty quy định không trái với quy định của pháp luật] ngày.

3. Các cuộc họp hoặc lấy ý kiến các thành viên của Hội đồng quản trị họp lệ khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị tham dự. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có hiệu lực khi có trên 50% tổng số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành; trường hợp có số phiếu ngang nhau thì bên có phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản trị là quyết định. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền bảo lưu ý kiến của mình.

Khi bàn về nội dung Công việc của Công ty có liên quan đến các vấn đề quan trọng của địa phương nào thì Hội đồng quản trị phải mời đại diện của cấp chính quyền địa phương có liên quan đó dự họp; trường hợp có liên quan tới quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động trong Công ty phải mời đại diện Công đoàn Công ty dự họp. Đại diện các cơ quan, tổ chức được mời dự họp có quyền phát biểu ý kiến nhưng không tham gia biểu quyết.

4. Nội dung các vấn đề thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết quả biểu quyết, các quyết định được Hội đồng quản trị thông

qua và kết luận của các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi thành biên bản. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính trung thực của biên bản họp Hội đồng quản trị. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có tính bắt buộc thi hành đối với toàn bộ Công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, kế toán trưởng, cán bộ quản lý trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của Công ty theo quy chế thông tin do Hội đồng quản trị quy định hoặc theo nghị quyết của Hội đồng quản trị. Người được yêu cầu cung cấp thông tin phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị, trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định khác.

6. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, kể cả tiền lương, phụ cấp và thù lao, được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty.

Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị được quyền tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia tư vấn trong và ngoài công ty trước khi quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn được quy định tại Quy chế tài chính của Công ty.

Điều 23. Chế độ lương, phụ cấp,

thưởng của thành viên chuyên trách và thành viên không chuyên trách của Hội đồng quản trị

1. Các thành viên chuyên trách của Hội đồng quản trị hưởng lương và thưởng tại Công ty. Chế độ tiền lương và tiền thưởng tính theo năm. Tiền lương được tạm ứng hàng tháng, quyết toán hàng năm. Tiền thưởng hàng năm được chi trả một phần vào cuối năm, phần còn lại được chi trả sau khi kết thúc nhiệm kỳ; riêng tiền thưởng năm cuối nhiệm kỳ được tính dựa trên kết quả năm đó và kết quả tăng trưởng của cả nhiệm kỳ.

Mức tiền lương và tiền thưởng tính dựa vào kết quả kinh doanh năm của Công ty, tương ứng với hiệu quả hoạt động của Công ty, do người quyết định bổ nhiệm quyết định.

2. Các thành viên không chuyên trách của Hội đồng quản trị hưởng phụ cấp trách nhiệm và chế độ tiền thưởng theo cơ chế như đối với các thành viên chuyên trách.

Mục II. BAN KIỂM SOÁT

Điều 24. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát do Hội đồng quản trị thành lập để giúp Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, chính xác và trung thực trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi

chép sổ kế toán, báo cáo tài chính và việc chấp hành Điều lệ Công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Ban kiểm soát có... [ghi số lượng cụ thể] thành viên do Hội đồng quản trị cử, gồm: một thành viên Hội đồng quản trị là Trưởng Ban kiểm soát; một đại diện tổ chức công đoàn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này; các thành viên khác do Hội đồng quản trị quyết định. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc không được kiêm Trưởng Ban kiểm soát.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện người được cử làm thành viên Ban kiểm soát:

a) Thường trú tại Việt Nam;

b) Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;

c) Có trình độ về nghiệp vụ kinh tế, tài chính - kế toán, kiểm toán hoặc chuyên môn nghiệp vụ;

d) Không được là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, thủ quỹ tại Công ty; không có vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, kế toán trưởng, thủ quỹ tại Công ty;

đ) Thành viên chuyên trách của Ban kiểm soát không đồng thời đảm nhiệm

các chức vụ lãnh đạo trong bộ máy nhà nước.

4. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bổ nhiệm lại.

5. Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ do Hội đồng quản trị giao, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Ban kiểm soát được hưởng tiền lương, tiền thưởng do Hội đồng quản trị quyết định theo quy định của pháp luật về chế độ lương, thưởng và quy định của Luật Doanh nghiệp nhà nước.

7. Hội đồng quản trị ban hành quy chế cụ thể về hoạt động của Ban kiểm soát.

Mục III. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 25. Chức năng của Tổng giám đốc

Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật, điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, phù hợp với Điều lệ Công ty; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Điều 26. Tuyển chọn, bổ nhiệm, ký hợp đồng với Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị tuyển chọn, bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng, sau khi được Đại diện chủ sở hữu chấp thuận.

2. Tổng giám đốc được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với nhiệm kỳ... [ghi số lượng cụ thể] năm. Hội đồng quản trị quyết định việc bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng với Tổng giám đốc.

3. Người được tuyển chọn làm Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý công ty; có trình độ đại học trở lên; có chuyên môn và ít nhất ba năm kinh nghiệm tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành nghề kinh doanh... [ghi ngành nghề kinh doanh chính của Công ty];

b) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật; thường trú tại Việt Nam.

[Có thể ghi bổ sung và chi tiết các tiêu chuẩn khác của Tổng giám đốc không trái với các Điều 39, 40, 42 và 43 của Luật Doanh nghiệp nhà nước và các quy định khác có liên quan].

4. Những đối tượng sau đây không được tuyển chọn để bổ nhiệm, ký

hợp đồng làm Tổng giám đốc của Công ty:

a) Những người đã từng làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty nhà nước nhưng đã bị cách chức, miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn theo điểm a khoản 2 Điều 24, khoản 3 Điều 25 Luật Doanh nghiệp nhà nước [hoặc ghi cụ thể các quy định tại điểm a khoản 2 Điều 24, khoản 3 Điều 25 Luật Doanh nghiệp nhà nước];

b) Thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Thay thế, miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng với Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị quyết định việc miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn với Tổng giám đốc sau khi được đại diện chủ sở hữu chấp thuận trên cơ sở các quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn trong các trường hợp sau:

a) Để Công ty lỗ hai năm liên tiếp hoặc không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu do đại diện chủ sở hữu giao trong hai năm liên tiếp hoặc ở trong tình trạng lỗ, lãi đan xen nhau nhưng không khắc phục được, trừ các trường hợp:

- Lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên

vốn chủ sở hữu vì các lý do bất khả kháng [có thể ghi cụ thể các trường hợp bất khả kháng mà Đại diện chủ sở hữu thấy không thể khắc phục được, phụ thuộc vào đặc điểm doanh nghiệp, ngành nghề...] đã được giải trình và đã được Đại diện chủ sở hữu phê duyệt.

- Lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu do đầu tư, mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ [có thể ghi cụ thể quy mô, mức độ đầu tư, mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ mà trên mức đó sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu] theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

b) Công ty lâm vào tình trạng phá sản nhưng không nộp đơn yêu cầu phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.

c) Không hoàn thành các nhiệm vụ hoặc chỉ tiêu do Hội đồng quản trị giao [có thể ghi cụ thể các chỉ tiêu, nhưng chỉ ghi các chỉ tiêu có ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động hoặc kết quả hoạt động của doanh nghiệp] hoặc không hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký với Hội đồng quản trị.

d) Không trung thực trong thực thi các quyền hạn hoặc lạm dụng địa vị quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính của Công ty.

đ) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.

e) Bị tòa án kết án bằng bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật.

g) Vi phạm nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Công ty.

h) [Điều lệ công ty quy định cụ thể các trường hợp khác].

3. Tổng giám đốc được thay thế trong các trường hợp sau:

a) Tự nguyện xin từ chức hoặc chấm dứt hợp đồng;

b) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;

c) [Điều lệ công ty quy định cụ thể các trường hợp khác không trái với quy định pháp luật].

Điều 28. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Xây dựng kế hoạch hàng năm của Công ty, phương án huy động vốn, dự án đầu tư, phương án liên doanh, đề án tổ chức quản lý, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quy hoạch đào tạo lao động, phương án phối hợp kinh doanh giữa các công ty con hoặc với các doanh nghiệp khác trình Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Quyết định các dự án đầu tư, bán tài sản của Công ty có giá trị đến... % [ghi mức tỷ lệ % được Hội đồng quản trị phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định nhưng không quá 50%] tổng giá trị tài sản còn

lại được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty hoặc đến... triệu đồng [ghi số lượng tuyệt đối là triệu đồng tương đương với mức tỷ lệ % được Hội đồng quản trị phân cấp] [có thể ghi cả 2 tiêu chí tỷ lệ % và số tuyệt đối (triệu đồng) hoặc chỉ ghi 1 trong 2 tiêu chí; trường hợp ghi số tuyệt đối (triệu đồng) thì không được trái với mức quy định tại điểm b khoản 2 Điều 30, khoản 4 Điều 41 Luật Doanh nghiệp nhà nước].

3. Quyết định các hợp đồng vay, cho vay, thuê, cho thuê và hợp đồng kinh tế khác có giá trị không vượt quá mức vốn điều lệ của Công ty hoặc đến... [ghi số lượng tuyệt đối tương đương mức vốn điều lệ] triệu đồng [có thể ghi cả 2 tiêu chí là không vượt quá mức vốn điều lệ và tương đương với mức là... triệu đồng hoặc chỉ ghi 1 trong 2 tiêu chí; trường hợp ghi số tuyệt đối (triệu đồng) thì không được trái với mức quy định tại điểm b khoản 2 Điều 30, khoản 4 Điều 41 Luật Doanh nghiệp nhà nước].

4. Quyết định phương án sử dụng vốn, tài sản của Công ty để góp vốn, mua cổ phần của các công ty trong nước có giá trị đến... % [ghi mức tỷ lệ % được Hội đồng quản trị phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định nhưng không quá 50%] tổng giá trị tài sản còn lại được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty hoặc đến... triệu đồng [ghi số lượng tuyệt đối là triệu đồng tương đương với mức tỷ lệ % được Hội đồng quản trị phân cấp]

[có thể ghi cả 2 tiêu chí tỷ lệ % và số tuyệt đối (triệu đồng) hoặc chỉ ghi 1 trong 2 tiêu chí; trường hợp ghi số tuyệt đối (triệu đồng) thì không được trái với mức quy định tại điểm b khoản 2 Điều 30 Luật Doanh nghiệp nhà nước].

5. Quyết định tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng hoặc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và phụ cấp đối với:

a) Giám đốc đơn vị trực thuộc sau khi có sự phê duyệt của Hội đồng quản trị; Phó giám đốc đơn vị trực thuộc theo đề nghị của Giám đốc đơn vị trực thuộc;

b) Các chức danh: Trưởng, phó phòng (ban) Công ty; Các chức danh khác theo phân cấp của Hội đồng quản trị [ghi rõ các chức danh theo phân cấp của Hội đồng quản trị].

6. Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương của Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng Công ty; Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định cử người đại diện phần vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác.

7. Xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn sản phẩm, đơn giá tiền lương phù hợp với các quy định của Nhà nước trình Hội đồng quản trị phê duyệt; kiểm tra việc thực hiện các định mức,

tiêu chuẩn, đơn giá quy định trong nội bộ Công ty.

8. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư; quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; điều hành hoạt động của Công ty nhằm thực hiện các nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị.

9. Ký kết các hợp đồng dân sự, kinh tế của Công ty. Đối với các hợp đồng có giá trị trên mức phân cấp cho Tổng giám đốc quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều này, thì Tổng giám đốc chỉ được ký kết sau khi có nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng quản trị.

10. Báo cáo trước Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty; thực hiện việc công bố công khai các báo cáo tài chính theo quy định của Chính phủ.

11. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp nhà nước và các quy định khác của pháp luật.

12. Được áp dụng các biện pháp cần thiết trong trường hợp khẩn cấp và phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

13. Được hưởng chế độ lương theo năm. Mức tiền lương và tiền thưởng tương ứng

với hiệu quả kinh doanh của Công ty do Hội đồng quản trị quyết định hoặc theo hợp đồng đã ký (đối với trường hợp Tổng giám đốc được ký hợp đồng).

Chế độ thanh toán, quyết toán tiền lương, tiền thưởng được thực hiện như đối với các thành viên chuyên trách của Hội đồng quản trị.

14. [Các quyền và nghĩa vụ khác theo điều kiện cụ thể của từng công ty].

Mục IV. NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM VÀ QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 29. Quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành Công ty

1. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng giám đốc báo cáo với Hội đồng quản trị để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Hội đồng quản trị phải xem xét đề nghị của Tổng giám đốc. Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Chủ sở hữu.

2. Trong thời hạn... ngày [Điều lệ quy định cụ thể thời hạn], kể từ ngày kết thúc tháng, quý và năm, Tổng giám đốc

phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh và phương hướng thực hiện trong kỳ tới [Điều lệ quy định cụ thể nội dung báo cáo, loại văn bản, hình thức của báo cáo] của Công ty cho Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị tham dự hoặc cử đại diện của Hội đồng quản trị tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các đề án trình Hội đồng quản trị do Tổng giám đốc chủ trì. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người đại diện Hội đồng quản trị dự họp có quyền phát biểu đóng góp ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp. Tổng giám đốc không là thành viên Hội đồng quản trị được mời tham dự cuộc họp của Hội đồng quản trị, được quyền phát biểu nhưng không có quyền biểu quyết.

Điều 30. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị phải cùng chịu trách nhiệm [Điều lệ có thể quy định cụ thể cơ chế trách nhiệm của từng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong chế độ cùng chịu trách nhiệm] trước người quyết định thành lập công ty

và trước pháp luật về các quyết định của Hội đồng quản trị, kết quả và hiệu quả hoạt động của Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có nghĩa vụ:

a) Thực hiện trung thực, có trách nhiệm các quyền hạn và nhiệm vụ được giao vì lợi ích của Công ty và của Nhà nước;

b) Không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng vốn và tài sản của Công ty thu lợi riêng cho bản thân và người khác; không được đem tài sản của Công ty cho người khác; không được tiết lộ bí mật của Công ty trong thời gian đang thực hiện chức trách là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc và trong thời hạn tối thiểu là... [ghi số lượng cụ thể] năm sau khi thôi làm thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc, trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận;

c) Không được để vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của mình giữ chức danh kế toán trưởng, thủ quỹ tại cùng Công ty; hoặc nếu để vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của mình giữ chức danh kế toán trưởng, thủ quỹ tại cùng Công ty, thì phải thôi giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty. Phải thông báo cho người bổ nhiệm, người ký hợp đồng thuê Tổng giám đốc

về các hợp đồng kinh tế, lao động, dân sự của công ty ký kết với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, với vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; trường hợp phát hiện hợp đồng có mục đích tư lợi mà hợp đồng chưa được ký kết thì có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc không được ký kết hợp đồng đó; nếu hợp đồng đã được ký kết thì bị coi là vô hiệu, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc phải bồi thường thiệt hại cho Công ty và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

d) Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, thì: Tổng giám đốc phải báo cáo Hội đồng quản trị, tìm biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính và thông báo tình hình tài chính của Công ty cho tất cả chủ nợ biết; Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc không được quyết định tăng tiền lương, không được trích lợi nhuận trả tiền thưởng cho cán bộ quản lý và người lao động [Điều lệ có thể có các quy định bổ sung thêm để cụ thể hóa hoặc chi tiết hóa các biện pháp khắc phục].

đ) Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả mà không thực hiện các quy định tại điểm d khoản này thì phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ [Điều lệ có

thể có các quy định chi tiết hóa các trách nhiệm cá nhân của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc].

e) Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc vi phạm Điều lệ, quyết định vượt thẩm quyền, lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Công ty và Nhà nước thì phải bồi thường thiệt hại [Điều lệ quy định chi tiết trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc - căn cứ vào các quy định của pháp luật để quy định trong Điều lệ].

4. Khi vi phạm một trong các trường hợp sau đây nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc không được thưởng, không được nâng lương và bị xử lý kỷ luật tùy theo mức độ vi phạm:

- a) Để Công ty lỗ;
- b) Để mất vốn chủ sở hữu;
- c) Quyết định dự án đầu tư không hiệu quả, không thu hồi được vốn đầu tư, không trả được nợ;
- d) Không bảo đảm tiền lương và các chế độ khác cho người lao động ở Công ty theo quy định của pháp luật về lao động;
- đ) Để xảy ra các sai phạm về quản lý vốn, tài sản, về chế độ kế toán, kiểm toán

và các chế độ khác do Nhà nước quy định.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị thiếu trách nhiệm, không thực hiện đúng các quy định tại Điều 21 của Điều lệ này mà dẫn đến một trong các vi phạm tại khoản 4 của Điều này thì bị miễn nhiệm; tùy theo mức độ vi phạm và hậu quả phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

6. Tùy theo mức độ vi phạm và hậu quả trong các trường hợp dưới đây thì Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc bị hạ lương hoặc bị cách chức, đồng thời phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật [Điều lệ quy định chi tiết trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc - căn cứ vào các quy định của pháp luật để quy định trong Điều lệ]: để Công ty lỗ hai năm liên tiếp hoặc không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư hai năm liên tiếp hoặc ở trong tình trạng lỗ lãi đan xen nhau nhưng không khắc phục được, trừ các trường hợp lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư có lý do khách quan được giải trình và đã được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận; đầu tư mới mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ

7. Trường hợp Công ty lâm vào tình

trạng phá sản mà Tổng giám đốc không nộp đơn yêu cầu phá sản thì bị miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; nếu Tổng giám đốc không nộp đơn mà Hội đồng quản trị không yêu cầu Tổng giám đốc nộp đơn yêu cầu phá sản thì Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc bị miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng.

8. Trường hợp Công ty thuộc diện tổ chức lại [có thể ghi cụ thể các hình thức tổ chức lại theo Điều 73 Luật Doanh nghiệp nhà nước năm 2003], giải thể hoặc chuyển đổi sở hữu mà không tiến hành các thủ tục tổ chức lại, giải thể hoặc chuyển đổi sở hữu [có thể ghi cụ thể các hình thức chuyển đổi sở hữu theo Điều 80 Luật Doanh nghiệp nhà nước năm 2003] thì Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc bị miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng.

MỤC V. PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG, BỘ MÁY GIÚP VIỆC VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Điều 31. Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng

1. Công ty có... [ghi số lượng cụ thể] Phó tổng giám đốc và kế toán trưởng.

Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng do Hội đồng quản trị tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng [Điều lệ có thể quy định cụ thể một trong hai hình thức là bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng] theo đề nghị của Tổng giám đốc.

2. Các Phó tổng giám đốc giúp Tổng giám đốc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền. Việc ủy quyền có liên quan đến việc ký kết hợp đồng kinh tế hoặc liên quan tới việc sử dụng con dấu của Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

3. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện Công tác kế toán của Công ty; giúp Tổng giám đốc giám sát tài chính tại Công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

4. Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với thời hạn tối đa là... [ghi số lượng cụ thể] năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng.

Điều 32. Bộ máy giúp việc

1. Các phòng (ban) chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành công việc, bao gồm:

- a) Văn phòng;
- b) Phòng (Ban) Tài chính kế toán;
- c) Phòng (Ban), v.v...

[Điều lệ cụ thể của Công ty ghi chi tiết các phòng (ban) giúp việc Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc];

d) Bộ phận thường trực gồm.... người [ghi cụ thể số lượng người, nhưng không quá 5 người] để tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, thực hiện nhiệm vụ do Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty phân công.

2. Nhiệm vụ cụ thể của các phòng (ban) chuyên môn, nghiệp vụ được quy định tại quy chế quản lý nội bộ của Công ty do Tổng giám đốc xây dựng trình Hội đồng quản trị phê duyệt, Chủ tịch Hội đồng quản trị ký quyết định ban hành.

3. Trong quá trình hoạt động, Tổng giám đốc có quyền đề nghị Hội đồng quản trị thay đổi cơ cấu, biên chế, số lượng và chức năng, nhiệm vụ của các phòng (ban) chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty và quy định pháp luật. Hội đồng quản trị xem xét, quyết định việc thay đổi do Tổng giám đốc đề nghị.

Mục VI. NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 33. Hình thức tham gia quản lý Công ty của người lao động

Người lao động tham gia quản lý Công ty thông qua các hình thức và tổ chức sau đây:

1. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu công nhân viên chức Công ty;
2. Tổ chức công đoàn Công ty;
3. Ban Thanh tra nhân dân;
4. Thực hiện quyền kiến nghị, khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Nội dung tham gia quản lý Công ty của người lao động

Người lao động có quyền tham gia thảo luận, góp ý kiến trước khi cấp có thẩm quyền quyết định các vấn đề sau đây:

1. Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch, biện pháp phát triển sản xuất, kinh doanh, sắp xếp lại sản xuất Công ty;
2. Phương án cổ phần hóa, đa dạng hóa sở hữu Công ty;
3. Các nội quy, quy chế của Công ty liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động;
4. Các biện pháp bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần, vệ sinh môi trường, đào tạo và đào tạo lại người lao động của Công ty;
5. Bỏ phiếu thăm dò tín nhiệm đối với các chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng

giám đốc hoặc Giám đốc, Phó tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, kế toán trưởng khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

6. Thông qua đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu công nhân viên chức và tổ chức công đoàn, người lao động có quyền thảo luận và biểu quyết quyết định các vấn đề sau đây:

a) Nội dung hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung thỏa ước lao động tập thể để đại diện tập thể người lao động ký kết với Tổng giám đốc hoặc Giám đốc;

b) Quy chế sử dụng các quỹ phúc lợi, khen thưởng và các chỉ tiêu kế hoạch của Công ty có liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động phù hợp với quy định của Nhà nước;

c) Đánh giá kết quả hoạt động và chương trình hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân;

d) Bầu Ban Thanh tra nhân dân.

Chương V

ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

Điều 35. Các đơn vị hạch toán phụ thuộc, công ty con, công ty liên kết của Công ty

Công ty có các đơn vị hạch toán phụ

thuộc, các công ty con, công ty liên kết. Danh sách các công ty con, công ty liên kết tại thời điểm phê duyệt điều lệ ghi tại Phụ lục... [ghi tên hoặc số phụ lục] của Điều lệ này.

Điều 36. Quan hệ giữa Công ty với đơn vị hạch toán phụ thuộc

Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty thực hiện chế độ phân cấp hoạt động kinh doanh, hạch toán, tổ chức và nhân sự... [bổ sung, cụ thể hóa các loại hoạt động, lĩnh vực được phân cấp cho đơn vị trực thuộc] của Công ty theo quy định tại điều lệ hoặc quy chế [ghi rõ là điều lệ hay quy chế] của đơn vị hạch toán phụ thuộc do Tổng giám đốc xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt. Công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

Điều 37. Quan hệ giữa Công ty và công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, quy định của Chính phủ về chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Hội đồng quản trị Công ty là đại diện chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các quyền và nghĩa

vụ sau đây đối với công ty công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên:

a) Quyết định chiến lược phát triển; phê duyệt Điều lệ khi thành lập; quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

b) Quyết định điều chỉnh vốn điều lệ theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

c) Quyết định chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cho tổ chức, cá nhân khác. Việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ thực hiện theo quy định của Điều lệ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

d) Quyết định mô hình tổ chức quản lý, cơ cấu quản lý; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, quyết định mức tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của Chủ tịch Hội đồng quản trị, ủy viên Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; phân cấp cho Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, quyết định mức tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của Tổng giám đốc công ty đó [cụ thể hóa phân cấp];

đ) Quyết định các dự án đầu tư, hợp

đồng mua, bán, vay, cho vay có giá trị lớn hơn... % [ghi mức tỷ lệ % mà từ mức đó trở xuống Hội đồng quản trị Công ty quyết định phân cấp cho Hội đồng quản trị (Chủ tịch công ty) công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được quyền quyết định các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay theo quy định của Nghị định 63/2001/NĐ-CP] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

e) Tổ chức giám sát, theo dõi và đánh giá hoạt động kinh doanh, hoạt động quản lý theo điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

g) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm và quyết định phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo đề trình của công ty đó;

h) Quyết định các hình thức và biện pháp tổ chức lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định tại Điều lệ của công ty đó;

i) Các quyền khác quy định tại Điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Điều 38. Quan hệ giữa Công ty với công ty con là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty liên doanh

1. Công ty con là công ty cổ phần, công

ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên, công ty liên doanh, công ty ở nước ngoài (sau đây gọi chung là doanh nghiệp bị chi phối) được thành lập, tổ chức và hoạt động theo pháp luật về loại hình công ty đó.

2. Công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông hoặc thành viên, bên liên doanh, bên góp vốn chi phối tại công ty con theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty đó.

3. Công ty trực tiếp quản lý cổ phần, vốn góp chi phối ở công ty con thông qua người trực tiếp quản lý phần vốn của Công ty tại các công ty con (sau đây gọi là người trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối).

4. Công ty có quyền và nghĩa vụ chủ yếu sau:

a) Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, quyết định phụ cấp và lợi ích của người trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối;

b) Yêu cầu người trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của công ty con;

c) Giao nhiệm vụ và yêu cầu người trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối xin ý kiến về những vấn đề quan trọng [những vấn đề quan trọng có thể được ghi cụ thể trong điều lệ Công ty hoặc trong quy chế quản lý vốn góp của Công ty ở

doanh nghiệp khác] trước khi biểu quyết tại công ty con; báo cáo việc sử dụng cổ phần, vốn góp chi phối để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của công ty;

d) Thu lợi tức và chịu rủi ro từ phần vốn góp của mình ở các công ty con;

đ) Giám sát, kiểm tra việc sử dụng phần vốn đã góp vào các công ty con;

e) Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đã góp vào các công ty con.

Điều 39. Quan hệ giữa Công ty và công ty liên kết

1. Công ty liên kết được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của công ty đó.

2. Công ty cử người đại diện để thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh theo điều lệ của công ty liên kết hoặc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo hợp đồng liên kết.

Mục V. NGƯỜI TRỰC TIẾP QUẢN LÝ VỐN GÓP CỦA CÔNG TY Ở CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Điều 40. Tiêu chuẩn và điều kiện của người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Công ty ở công ty con, công ty liên kết

1. Người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam; là người của Công ty;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ;

c) Hiểu biết pháp luật, có ý thức chấp hành pháp luật;

d) Có trình độ chuyên môn về tài chính doanh nghiệp hoặc lĩnh vực kinh doanh chính của doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty; có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp. Người trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối của Công ty ở các công ty liên doanh với nước ngoài phải có thêm trình độ ngoại ngữ đủ để làm việc với người nước ngoài trong liên doanh không cần phiên dịch;

đ) Không là bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột của những người là đại diện chủ sở hữu, người trong Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc, Tổng giám đốc của doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty mà người đó được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp;

e) Không có quan hệ góp vốn thành lập doanh nghiệp, cho vay vốn, ký kết hợp đồng mua bán với doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty mà người đó được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp, trừ trường hợp có cổ phần tại doanh nghiệp được cổ phần hóa.

2. Người đại diện tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc, Tổng giám đốc của doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty mà người đó được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định pháp luật, điều lệ của doanh nghiệp đó.

[Điều lệ cụ thể của Công ty có thể quy định cụ thể thêm hoặc bổ sung thêm các tiêu chuẩn và điều kiện khác về người trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối của Công ty tại công ty con, căn cứ theo đặc điểm ngành nghề và đặc thù của Công ty, công ty con].

Điều 41. Quyền, nghĩa vụ, quyền lợi của người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Công ty ở công ty con, công ty liên kết

1. Người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Đại diện cho Công ty thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh tại công ty con, công ty liên kết. Sử dụng quyền cổ phần chi phối hoặc vốn góp chi phối để định hướng công ty con thực hiện chiến lược, mục tiêu của Công ty;

b) Trực tiếp tham gia ứng cử vào bộ máy quản lý, điều hành của công ty con, công ty liên kết theo quy định của Điều lệ doanh nghiệp đó;

c) Theo dõi và giám sát tình hình hoạt

động kinh doanh của công ty con, công ty liên kết;

d) Thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc về hiệu quả sử dụng phần vốn góp chi phối;

đ) Xin ý kiến Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội cổ đông, tại cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của công ty con về: phương hướng, chiến lược, kế hoạch kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; tăng, giảm vốn điều lệ; chia lợi tức; bán tài sản có giá trị lớn;

e) Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về quản lý phần vốn góp, hiệu quả sử dụng vốn góp của Công ty ở công ty được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp. Trường hợp không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định, lợi dụng quyền đại diện phần vốn góp, thiếu trách nhiệm gây thiệt hại cho Công ty và đại diện chủ sở hữu thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật và Quy chế tài chính của Công ty.

[Căn cứ vào các điểm từ a đến e nêu tại khoản 1 Điều này và Nghị định 199/2004/NĐ-CP để quy định chi tiết trong Điều lệ của Công ty].

2. Người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Công ty hưởng chế độ lương, thưởng hoặc thù lao, phụ cấp trách nhiệm... theo quyết định của Hội đồng quản trị [Điều lệ cụ thể từng công ty quy định chi tiết theo đặc thù của mình, có

thể phân loại chế độ lương, thưởng, thù lao, phụ cấp trách nhiệm theo doanh nghiệp có và không có vốn góp chi phối].

Chương VI

CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Điều 42. Tăng, giảm, điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty

1. Vốn điều lệ của Công ty ghi tại Điều 5 của Điều lệ này là vốn của chủ sở hữu đầu tư tại Công ty ở thời điểm... [ghi thời điểm cụ thể].

2. Trong quá trình hoạt động, vốn điều lệ có thể tăng lên từ các nguồn sau:

a) Lợi nhuận sau thuế bổ sung vào vốn điều lệ, kể cả lợi nhuận sau thuế của các công ty con 100% vốn của Công ty và có thể được chia từ các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của Công ty;

b) Vốn do chủ sở hữu bổ sung cho Công ty từ ngân sách nhà nước hoặc nguồn khác;

c) Chủ sở hữu giao, ủy quyền cho Công ty thực hiện chức năng chủ sở hữu một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của một doanh nghiệp khác tham gia làm công ty con của Công ty.

3. Việc điều chỉnh tăng hay giảm vốn điều lệ của Công ty do đại diện chủ sở hữu quyết định sau khi thỏa thuận với Bộ Tài chính.

4. Trong mọi trường hợp tăng hay giảm vốn điều lệ, Công ty phải tiến hành điều chỉnh kịp thời trong bảng cân đối kế toán, công bố vốn điều lệ và làm các thủ tục điều chỉnh vốn điều lệ trong Điều lệ này.

5. Chủ sở hữu chỉ được rút vốn đã đầu tư vào Công ty trong trường hợp điều chỉnh giảm vốn điều lệ nhưng phải đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty. Trường hợp không điều chỉnh vốn điều lệ thì chủ sở hữu chỉ được rút vốn thông qua hình thức chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần vốn cho các tổ chức, cá nhân khác.

6. Đối với vốn chủ sở hữu đã cam kết bổ sung cho Công ty thì chủ sở hữu có trách nhiệm đầu tư đủ vốn theo đúng thời hạn đã cam kết. Trường hợp sau 2 năm chủ sở hữu không đầu tư đầy đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết thì chủ sở hữu phải điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty.

Điều 43. Quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành và phân phối lợi nhuận của Công ty

1. Việc quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành của Công ty thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính đối với Công ty do Hội đồng quản trị ban hành.

2. Nội dung Quy chế quản lý tài chính đối với Công ty được xây dựng dựa trên các nguyên tắc quản lý tài chính công ty nhà nước theo Nghị định 199/2004/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên

quan. Quy chế quản lý tài chính tối thiểu phải gồm những nội dung sau:

a) Cơ chế quản lý vốn và tài sản của Công ty;

b) Cơ chế quản lý doanh thu, chi phí, giá thành của Công ty, trong đó quy định cụ thể thẩm quyền Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quyết định giá mua, giá bán sản phẩm, dịch vụ của Công ty; quyết định việc mua trái phiếu, tín phiếu; quyết định mức chi phí giao dịch, môi giới, quảng cáo, tiếp khách, hội họp, mức trích khấu hao tài sản cố định không thấp hơn mức tối thiểu do Chính phủ quy định;

c) Cơ chế quản lý kết quả hoạt động kinh doanh, phân phối lợi nhuận, các quỹ và mục đích sử dụng các quỹ của Công ty;

d) Mối quan hệ về tài chính giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết.

Điều 44. Kế hoạch tài chính, kế toán, kiểm toán

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

2. Trước thời hạn... hàng năm [ghi mốc thời gian cụ thể hàng năm], Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính hàng năm của Công ty. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo Đại diện chủ sở hữu kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài

chính hàng năm của Công ty làm căn cứ để giám sát và đánh giá kết quả quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

3. Trong thời hạn... ngày [ghi thời hạn cụ thể] sau khi kết thúc... kỳ kế hoạch [tùy thuộc yêu cầu quản lý là năm hoặc quý], Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị báo cáo tài chính trong kỳ báo cáo của Công ty và toàn bộ tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con. Hội đồng quản trị có nhiệm vụ thẩm tra các báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về tính trung thực của số liệu báo cáo tài chính. Sau khi thẩm tra, Công ty trình chủ sở hữu phê duyệt báo cáo tài chính [tùy thuộc yêu cầu quản lý là loại báo cáo năm hoặc quý] và gửi đến các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật.

4. Công ty thực hiện công tác kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật. Mục tiêu kiểm toán nội bộ nhằm phục vụ cho công tác điều hành của Tổng giám đốc và công tác giám sát, kiểm tra của Hội đồng quản trị.

5. Công ty thực hiện công khai tài chính theo quy chế dân chủ ở cơ sở và quy định của Nhà nước.

Chương VII

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 45. Tổ chức lại Công ty

1. Tổ chức lại Công ty được tiến hành theo các hình thức sau đây:... [ghi cụ thể các hình thức tại Điều 73 Luật Doanh nghiệp nhà nước].

2. Việc tổ chức lại, hình thức tổ chức lại Công ty do người có thẩm quyền theo quy định pháp luật quyết định. Công ty thực hiện tổ chức lại theo trình tự, thủ tục của pháp luật... [căn cứ Điều 73 và Điều 75 của Luật Doanh nghiệp nhà nước và Nghị định 180/2004/NĐ-CP để ghi cụ thể về tổ chức lại].

3. Trách nhiệm của Công ty khi tổ chức lại... [căn cứ Điều 76 của Luật Doanh nghiệp nhà nước và Nghị định 180/2004/NĐ-CP để quy định cụ thể].

Điều 46. Chuyển đổi sở hữu Công ty

1. Công ty chuyển đổi sở hữu theo các hình thức sau:

- a) Cổ phần hóa toàn bộ hoặc một bộ phận của Công ty;
- b) Bán toàn bộ hoặc một bộ phận của Công ty;
- c) Giao Công ty.

2. Khi có quyết định chuyển đổi sở hữu, Công ty tiến hành chuyển đổi theo trình tự, thủ tục của pháp luật về chuyển đổi sở hữu [Điều lệ có thể quy định trách nhiệm của các bộ phận, cá nhân căn cứ vào các quy định về chuyển đổi sở hữu].

Điều 47. Giải thể Công ty

1. Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

- a) Công ty kinh doanh thua lỗ kéo dài nhưng chưa lâm vào tình trạng phá sản;
- b) Công ty không thực hiện được các nhiệm vụ do Nhà nước quy định sau khi đã áp dụng các biện pháp cần thiết;
- c) Việc tiếp tục duy trì Công ty là không cần thiết.

2. Công ty thực hiện việc giải thể theo trình tự, thủ tục giải thể do pháp luật quy định [Điều lệ có thể quy định trách nhiệm của các bộ phận, cá nhân căn cứ vào các quy định về giải thể].

Điều 48. Phá sản Công ty

Khi chủ nợ có yêu cầu thanh toán nợ đến hạn mà Công ty lâm vào tình trạng không có khả năng thanh toán được các khoản nợ đến hạn, thì đại diện pháp luật của Công ty phải nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với Công ty. Công ty tiến hành các thủ tục phá sản theo quy định của Luật Phá sản.

Chương VIII

SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 49. Quyền tiếp cận sổ sách và hồ sơ Công ty

1. Định kỳ... [căn cứ vào Luật Doanh nghiệp nhà nước và các quy định khác

của pháp luật để quy định cụ thể về thời gian], Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi cho Đại diện chủ sở hữu những tài liệu sau:... [căn cứ vào Luật Doanh nghiệp nhà nước và các quy định khác của pháp luật để quy định cụ thể những tài liệu gửi].

2. Trong trường hợp đột xuất, Đại diện chủ sở hữu có quyền yêu cầu bằng văn bản Hội đồng quản trị cung cấp bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào liên quan đến việc tổ chức thực hiện quyền của chủ sở hữu quy định tại Điều lệ này.

3. Tổng giám đốc có trách nhiệm tổ chức chuẩn bị và báo cáo để Hội đồng quản trị cung cấp hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của Đại diện chủ sở hữu. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý của Công ty cung cấp mọi hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.

4. Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của Công ty.

5. Người lao động trong Công ty có quyền tìm hiểu thông tin về Công ty thông qua Đại hội công nhân viên chức và Ban Thanh tra nhân dân.

Điều 50. Công khai thông tin

1. Tổng giám đốc là người thực hiện các quy định của pháp luật và Điều lệ

Công ty về công khai thông tin và chịu trách nhiệm về việc thực hiện các quy định này. Bộ phận lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Công ty chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quyết định của Tổng giám đốc hoặc người được Tổng giám đốc ủy quyền

2. Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi thông tin thực hiện theo các quy định của pháp luật.

3. Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức cung cấp thông tin theo quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

Chương IX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY

Điều 51. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Việc giải quyết tranh chấp nội bộ Công ty hoặc tranh chấp liên quan đến quan hệ giữa Đại diện chủ sở hữu và Công ty, giữa Đại diện chủ sở hữu và Hội đồng quản trị, giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc, bộ máy giúp việc được căn cứ theo Điều lệ này.

2. Trường hợp giải quyết tranh chấp theo Điều lệ này không được các bên chấp thuận, thì bất kỳ bên nào cũng có thể đưa ra các cơ quan có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp để giải quyết.

Điều 52. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Mọi sửa đổi, bổ sung Điều lệ này do Đại diện chủ sở hữu quyết định.

2. Hội đồng quản trị Công ty có quyền kiến nghị Đại diện chủ sở hữu về phương án sửa đổi, bổ sung Điều lệ.

Chương X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 53. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ này có hiệu lực thi hành đối với Công ty kể từ ngày... [ngày, tháng, năm].

2. Tất cả các đơn vị và cá nhân thuộc Công ty có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ này.

Điều lệ này được ban hành tại... [tỉnh, thành phố] ./.

Đại diện chủ sở hữu Công ty
(Ghi rõ chức vụ, ký tên, đóng dấu)